PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 60/2014/TT-BGTVT	*Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2014*

THÔNG TƯ
Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 27 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 173/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của hoa tiêu hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 49/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Điều 11 Nghị định số 173/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của hoa tiêu hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải.

Điều 2. Thông tư này điều chỉnh các hoạt động dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải, được áp dụng đối với tổ chức hoa tiêu hàng hải (sau đây gọi là Công ty hoa tiêu), người thực hiện nhiệm vụ hoa tiêu hàng hải (sau đây gọi là Hoa tiêu) và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến tổ chức và hoạt động của hoa tiêu hàng hải tại Việt Nam.

Điều 3. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Bãi bỏ Thông tư số 69/2011/TT-BGTVT ngày 30/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao

thông vận tải về ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải và Thông tư số 42/2013/TT-BGTVT ngày 14/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bổ sung Phụ lục của định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải ban hành kèm theo Thông tư số 69/2011/TT-BGTVT ngày 30/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Điều 4. Giao Vụ Khoa học - Công nghệ chủ trì, phối hợp với Cục Hàng hải Việt Nam và các đơn vị liên quan tổ chức theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện các quy định của Thông tư này, hàng năm kiểm tra việc đảm bảo chất lượng cung ứng dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải theo quy định.

Điều 5. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Tổng Giám đốc Tổng công ty Bảo đảm an toàn Hàng hải miền Bắc, Tổng Giám đốc Tổng công ty Bảo đảm an toàn Hàng hải miền Nam, Giám đốc các công ty Hoa tiêu hàng hải, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ TRƯỞNG

Đinh La Thăng

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HOA TIÊU HÀNG HẢI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BGTVT ngày 03 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Cơ sở pháp lý xây dựng định mức

1. Bộ luật Lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

2. Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 27 tháng 6 năm 2005;

3. Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

5. Nghị định số 173/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của hoa tiêu hàng hải;

6. Nghị định số 49/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Điều 11 Nghị định 173/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của hoa tiêu hàng hải;

7. Các số liệu khảo sát, kiểm tra thực tế và các tài liệu liên quan đến xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải.

Điều 2. Các nguyên tắc chung

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải xác định mức tiêu hao nhiên liệu, dầu bôi trơn của phương tiện thủy, xe ô tô, thời gian lao động công nghệ hoa tiêu hàng hải khi Hoa tiêu thực hiện dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải trên các tuyến dẫn tàu được giao.

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải được xây dựng trên cơ sở quy trình tác nghiệp dẫn tàu của hoa tiêu hàng hải; quy định về cấp bậc, số lượng Hoa tiêu tối thiểu tương ứng với từng loại tàu và tuyến dẫn tàu; yêu cầu về loại phương tiện đưa, đón Hoa tiêu phù hợp với điều kiện thực tế của hoạt động hoa tiêu dẫn tàu trong các vùng hoa tiêu bắt buộc.

3. Các mức quy định tại nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật này là mức cao nhất có thể áp dụng theo quy trình đầy đủ. Tuy nhiên, các cơ quan, đơn vị cần phải

tiết giảm chi phí, đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng để áp dụng các mức thấp hơn.

4. Trường hợp bổ sung tuyến dẫn tàu được giao thì Công ty hoa tiêu phải có kết quả khảo sát chi tiết, báo cáo Cục Hàng hải Việt Nam thẩm định, trình Bộ Giao thông vận tải chấp thuận làm cơ sở triển khai áp dụng.

Điều 3. Nội dung định mức

Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải bao gồm:

1. Định mức thời gian lao động công nghệ hoa tiêu hàng hải cho từng tuyến dẫn tàu.

Thể hiện mức thời gian lao động công nghệ của Hoa tiêu khi hoàn thành một quy trình công nghệ dẫn tàu đối với từng tuyến dẫn tàu, được xác định qua các bước theo Quy trình tác nghiệp dẫn tàu của Hoa tiêu hàng hải.

2. Định mức tiêu thụ nhiên liệu của phương tiện đưa, đón Hoa tiêu.

Thể hiện mức tiêu thụ nhiên liệu, dầu bôi trơn trong 01 giờ hoạt động của máy chính và máy phát điện của phương tiện thủy đưa, đón Hoa tiêu, được xác định tại các chế độ khai thác máy;

Thể hiện mức tiêu thụ nhiên liệu, dầu bôi trơn của xe ô tô đưa, đón Hoa tiêu khi chạy 100 km.

Điều 4. Kết cấu định mức

Chương 1: Quy định chung;

Chương 2: Quy trình tác nghiệp dẫn tàu và tiêu chuẩn về đảm bảo chất lượng dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải;

Chương 3: Định mức thời gian lao động công nghệ hoa tiêu;

Chương 4: Định mức tiêu thụ nhiên liệu và dầu bôi trơn của phương tiện thủy, xe ô tô đưa, đón Hoa tiêu;

Phụ lục: Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công ích hoa tiêu.

Điều 5. Quy định áp dụng định mức

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải áp dụng cho một lượt Hoa tiêu dẫn tàu trên 01 tuyến dẫn tàu được giao. Trong quá trình thực hiện định mức được áp dụng các hệ số điều chỉnh k như sau:

a) Với khoảng cách dẫn tàu xa, yêu cầu Hoa tiêu dẫn tàu phải làm việc liên tục từ trên 08 giờ đến 12 giờ: thời gian hoạt động của Hoa tiêu được áp dụng hệ số $k_1 \leq 1,7$;

b) Định mức tiêu thụ nhiên liệu của phương tiện đưa, đón Hoa tiêu được xác định trên cơ sở đưa, đón 01 Hoa tiêu cho 01 lượt dẫn tàu ($k_2 = 1,0$). Nếu công tác đưa, đón Hoa tiêu dẫn tàu được kết hợp cho nhiều tàu thì khi tính lượng tiêu hao nhiên liệu cho phương tiện đưa, đón Hoa tiêu sẽ áp dụng hệ số điều chỉnh $k_2 \leq 0,7$;

c) Đối với các tuyến dẫn tàu có bố trí Trạm hoa tiêu, Công ty hoa tiêu bố trí xe ô tô đưa đón Hoa tiêu kết hợp chuyển đổi Hoa tiêu thường trực tại Trạm được tính với hệ số $k_3 \leq 0,5$; Quy trình tác nghiệp dẫn tàu của Hoa tiêu được tính bắt đầu từ Trạm hoa tiêu;

d) Các mức quy định trong định mức này áp dụng trong trường hợp các Công ty hoa tiêu đảm bảo chất lượng dịch vụ theo các tiêu chí được nêu tại định mức này và theo các quy định hiện hành. Trong trường hợp kết quả kiểm tra xác nhận chất lượng dịch vụ thấp hơn (hoặc cao hơn) các tiêu chí về tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ công ích hoa tiêu quy định tại Chương 2 của định mức này, thì sẽ áp dụng hệ số điều chỉnh $k_4 = 0,9$ (hoặc 1,1) đối với các nội dung định mức có liên quan. Đối với các chi phí có liên quan đến huấn luyện, nâng cao nghiệp vụ thì có thể áp dụng thêm hệ số huấn luyện, nâng cao nghiệp vụ $k_5 \leq 0,3$ trên tổng số lượt dẫn tàu.

2. Những công tác khác không quy định trong định mức này thì áp dụng theo các định mức và quy định hiện hành của Nhà nước.

Chương II
QUY TRÌNH TÁC NGHIỆP DẪN TÀU VÀ TIÊU CHUẨN VỀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HOA TIÊU HÀNG HẢI

Điều 6. Quy trình tác nghiệp dẫn tàu vào cầu cảng hoặc đến vị trí yêu cầu

1. Bước 1: Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty hoa tiêu

Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty hoa tiêu và tiến hành xem xét, nghiên cứu các yếu tố liên quan (khí tượng, thủy hải văn, vị trí cầu cảng, vị trí giàn khoan, bến neo, phao buộc...), chuẩn bị phương án điều động, tác nghiệp trên hải đồ.

2. Bước 2: Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn

a) Xe ô tô đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty hoa tiêu đến Trạm hoa tiêu hoặc đến vị trí tập kết phương tiện thủy của Công ty hoa tiêu (sau đây gọi là Bến xuất phát); hoặc có thể sử dụng ca nô để đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty hoa tiêu đến bến xuất phát. Thời gian đi đường (kể cả thời gian trình báo thủ tục) được xác định theo quãng đường đi thực tế với tốc độ trung bình của xe ô tô: 25 km/h trong thành phố, 50km/h ngoài thành phố hoặc khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của ca nô;

b) Phương tiện thủy làm ma nơ rời bến, đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn, thời gian hành trình được xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của phương tiện thủy;

c) Phương tiện thủy làm ma nơ cập tàu được dẫn, nổ máy chờ Hoa tiêu lên tàu.

3. Bước 3: Phương tiện thủy hành trình quay về

a) Trường hợp tàu được dẫn cập bến xuất phát: Phương tiện thủy làm ma nơ rời tàu được dẫn về bến xuất phát;

b) Trường hợp tàu được dẫn cập cảng hoặc neo, buộc có vị trí khác với bến xuất phát: Phương tiện thủy làm ma nơ rời tàu được dẫn và hành trình theo tàu được dẫn hoặc về bến xuất phát;

c) Thời gian hành trình của phương tiện thủy được xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình.

4. Bước 4: Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu

a) Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi thống nhất kế hoạch dẫn tàu với Thuyền trưởng;

b) Hoa tiêu điều động tàu được dẫn kéo neo, hoặc cởi dây buộc phao và dẫn tàu cập cầu cảng hoặc đến vị trí yêu cầu. Thời gian hành trình được xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ chạy tàu cho phép đối với từng tuyến dẫn tàu;

c) Hoa tiêu ma nơ tàu được dẫn cập cảng hoặc thả neo, buộc phao;

d) Hoa tiêu bàn giao công việc cho Thuyền trưởng, chờ tàu làm cầu thang (nếu ở cầu cảng) hoặc chờ phương tiện thủy làm ma nơ cập tàu (nếu neo, buộc phao) và rời tàu được dẫn.

5. Bước 5: Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty hoa tiêu

a) Tàu được dẫn cập bến xuất phát: Xe ô tô đón Hoa tiêu từ cầu cảng về Trụ sở Công ty hoa tiêu, thời gian đi đường (kể cả thời gian trình báo thủ tục) được xác định theo quãng đường đi thực tế với tốc độ trung bình của xe ô tô: 25 km/h trong thành phố, 50 km/h ngoài thành phố;

b) Tàu được dẫn cập cảng hoặc neo, buộc phao có vị trí khác bến xuất phát:

Phương tiện thủy làm ma nơ cập tàu được dẫn đón và đưa Hoa tiêu về bến xuất phát, thời gian hành trình được xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của phương tiện thủy;

Xe ô tô đón Hoa tiêu từ bến xuất phát về Trụ sở Công ty hoa tiêu, thời gian đi đường (kể cả thời gian trình báo thủ tục) được xác định theo quãng đường đi thực tế với tốc độ trung bình của xe ô tô: 25 km/h trong thành phố, 50 km/h ngoài thành phố; hoặc

Phương tiện thủy, hoặc xe ô tô, hoặc cả hai loại phương tiện đưa Hoa tiêu từ tàu được dẫn về Trụ sở Công ty hoa tiêu. Thời gian hành trình của phương tiện thủy được xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của phương tiện thủy; thời gian xe ô tô hoạt động được xác định theo quãng đường đi thực tế với tốc độ trung bình: 25 km/h trong thành phố, 50 km/h ngoài thành phố.

c) Tác nghiệp Hoa tiêu dẫn tàu rời cảng, vị trí neo, buộc phao thực hiện theo quy trình ngược lại tương tự.

Điều 7. Quy trình tác nghiệp dẫn tàu dầu ra giàn khoan khai thác dầu

1. Phương án Hoa tiêu đi cùng tàu dầu được dẫn ra giàn khoan khai thác dầu và dẫn tàu dầu quay về

a) Bước 1: Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty hoa tiêu

Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty hoa tiêu và tiến hành xem xét, nghiên cứu các yếu tố liên quan (khí tượng, thủy văn, vị trí cầu cảng, bến neo, phao buộc...), chuẩn bị phương án điều động, tác nghiệp trên hải đồ.

b) Bước 2: Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu dầu

Xe ô tô đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty hoa tiêu đến bến xuất phát, thời gian đi đường (kể cả thời gian trình báo thủ tục) được xác định theo quãng đường đi thực tế với tốc độ trung bình của xe ô tô: 25 km/h trong thành phố, 50 km/h ngoài thành phố;

Phương tiện thủy làm ma nơ rời bến, đưa Hoa tiêu đến tàu dầu được dẫn, thời gian hành trình được xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của phương tiện thủy.

c) Bước 3: Phương tiện thủy hành trình về bến xuất phát

Phương tiện thủy ma nơ cập tàu dầu được dẫn, nổ máy chờ Hoa tiêu lên tàu dầu được dẫn và làm ma nơ rời tàu dầu về bến xuất phát; Thời gian hành trình được xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của phương tiện thủy;

d) Bước 4: Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu dầu được dẫn ra giàn khoan khai thác dầu và quay về

Hoa tiêu lên tàu, trao đổi thống nhất kế hoạch dẫn tàu với Thuyền trưởng;

Chuẩn bị và chờ đợi các yếu tố thuận lợi cho hành trình dẫn tàu dầu: Thủy triều, thời tiết, bố trí tàu lai dắt...;

Điều động tàu dầu được dẫn kéo neo và tác nghiệp dẫn tàu dầu từ vùng đón trả Hoa tiêu quy định đến vùng đón trả Hoa tiêu của mỏ, thời gian hành trình được xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ cho phép đối với từng tuyến dẫn tàu;

Trao đổi với thuyền trưởng và đại diện giàn khoan khai thác dầu để thống nhất phương án cập buộc;

Hướng dẫn tàu lai tác nghiệp và làm ma nơ tàu dầu được dẫn cập kho nổi chứa dầu để làm hàng;

Điều động tàu dầu nối ống bơm dầu với kho nổi chứa dầu;

Trong suốt quá trình bơm dầu từ kho nổi chứa dầu vào tàu dầu, Hoa tiêu liên tục thường trực điều động để tàu dầu ổn định, kiểm tra hầm hàng và làm hàng;

Điều động tàu dầu ổn định để tháo ống bơm dầu và chờ xác định khối lượng hàng hóa;

Trao đổi với thuyền trưởng phương án đưa tàu dầu ra, làm ma nơ tàu dầu rời kho nổi chứa dầu;

Điều động tháo dây tàu lai và điều động tàu dầu được dẫn về vị trí an toàn, chờ làm các thủ tục xác nhận về hàng hóa và thông quan;

Điều động tàu dầu được dẫn tiếp tục về vị trí đón trả hoa tiêu quy định. Thời gian hành trình được xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ cho phép chạy tàu đối với từng tuyến dẫn tàu;

Hoa tiêu hoàn tất công việc dẫn tàu và bàn giao tàu dầu cho thuyền trưởng.

đ) Bước 5: Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty hoa tiêu

Phương tiện thủy hành trình từ bến xuất phát ra vùng đón trả hoa tiêu quy định, làm ma nơ cập tàu dầu được dẫn, đón Hoa tiêu về bến xuất phát. Thời gian hành trình được xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của phương tiện thủy;

Phương tiện bộ đón Hoa tiêu từ bến xuất phát về Trụ sở Công ty hoa tiêu, thời gian đi đường (kể cả thời gian trình báo thủ tục) được xác định theo quãng đường đi thực tế với tốc độ trung bình của xe: 25 km/h trong thành phố, 50 km/h ngoài thành phố.

2. Phương án Hoa tiêu đi máy bay ra giàn khoan khai thác dầu và dẫn tàu dầu:

a) Bước 1: Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty hoa tiêu

Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty hoa tiêu và tiến hành xem xét, nghiên cứu các yếu tố liên quan (khí tượng, thủy hải văn, vị trí giàn khoan, bến neo, phao buộc...), chuẩn bị phương án điều động, tác nghiệp trên hải đồ.

b) Bước 2: Hoa tiêu ra giàn khoan khai thác dầu

Xe ô tô đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty hoa tiêu ra sân bay, thời gian đi đường (kể cả thời gian trình báo thủ tục) được xác định theo quãng đường đi thực tế với tốc độ trung bình của xe: 25 km/h trong thành phố, 50 km/h ngoài thành phố;

Hoa tiêu làm thủ tục lên máy bay;

Máy bay đưa Hoa tiêu ra kho nổi chứa dầu, thời gian bay được xác định theo hợp đồng dịch vụ bay với công ty bay dịch vụ.

c) Bước 3: Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu dầu thực hiện nhận dầu

Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ kho nổi chứa dầu sang tàu dầu được dẫn;

Hoa tiêu trao đổi thống nhất kế hoạch dẫn tàu với thuyền trưởng và đại diện giàn khoan khai thác dầu phương án cập buộc;

Hướng dẫn tàu lai tác nghiệp và làm ma nơ tàu dầu cập kho nổi chứa dầu để làm hàng;

Điều động tàu dầu được dẫn nối ống bơm dầu với kho nổi chứa dầu;

Trong suốt quá trình bơm dầu từ kho nổi vào tàu dầu, Hoa tiêu liên tục thường trực điều động tàu dầu ổn định để kiểm tra hầm hàng và làm hàng;

Điều động tàu dầu tháo ống bơm dầu và chờ xác định khối lượng hàng hóa;

Trao đổi với Thuyền trưởng phương án đưa tàu dầu ra và làm ma nơ tàu dầu được dẫn rời kho nổi chứa dầu;

Điều động tháo dây tàu lai và điều động tàu dầu được dẫn về vị trí an toàn, chờ làm các thủ tục xác nhận về hàng hóa và thông quan;

Điều động tàu dầu được dẫn tiếp tục đến vùng đón trả hoa tiêu của mỏ;

Hoa tiêu hoàn tất công việc dẫn tàu dầu và bàn giao tàu dầu được dẫn cho thuyền trưởng;

Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ tàu dầu được dẫn về kho nổi chứa dầu, thời gian hành trình được xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của phương tiện thủy;

Hoa tiêu chờ đợi máy bay về đất liền;

Máy bay đưa hoa tiêu từ kho nổi chứa dầu về sân bay.

d) Bước 4: Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty hoa tiêu

Phương tiện bộ đón Hoa tiêu từ sân bay về Trụ sở Công ty hoa tiêu, thời gian đi đường được xác định theo quãng đường đi thực tế với tốc độ trung bình của xe: 25 km/h trong thành phố, 50 km/h ngoài thành phố.

Điều 8. Tiêu chuẩn về đảm bảo chất lượng dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải

1. Tiêu chuẩn về đảm bảo chất lượng dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải là tập hợp những quy định, yêu cầu nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ công ích về hoa tiêu hàng hải mà Công ty hoa tiêu, các tổ chức và cá nhân có liên quan phải tuân thủ trong quá trình cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải.

2. Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải được thể hiện qua các tiêu chí:

a) Độ tin cậy của dịch vụ;

b) Mức độ thỏa mãn nhu cầu của khách hàng (có xác nhận cụ thể);

c) Mức độ đảm bảo an toàn, an ninh hàng hải và các quy định về phòng ngừa ô nhiễm môi trường;

d) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan.

Điều 9. Cơ sở đánh giá tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải đối với Công ty hoa tiêu

1. Độ tin cậy của dịch vụ

a) Có hệ thống quản lý chất lượng và quy trình tổ chức thực hiện hiệu quả, an toàn;

b) Có đủ Hoa tiêu (bao gồm cả số Hoa tiêu dự phòng là 10%), phương tiện, thiết bị phụ trợ theo yêu cầu để thực hiện dịch vụ hoa tiêu hàng hải theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức cung cấp hoa tiêu kịp thời; Bảo đảm chất lượng dịch vụ, an toàn, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp luật;

d) Trong hoạt động cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải không được để xẩy ra đình công, lãn công dưới bất cứ hình thức nào;

đ) Thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty hoa tiêu theo quy định của pháp luật.

2. Mức độ thỏa mãn nhu cầu của khách hàng

a) Tất cả các nhu cầu trước, trong và sau khi cung cấp dịch vụ hoa tiêu cho khách hàng đều được phục vụ đầy đủ, kịp thời;

b) Không có trường hợp khách hàng phản ánh về thái độ phục vụ và nghiệp vụ chuyên môn của Hoa tiêu.

3. Mức độ đảm bảo an toàn, an ninh hàng hải và các quy định về phòng ngừa ô nhiễm môi trường

a) Phối hợp với tổ chức bảo đảm an toàn hàng hải; doanh nghiệp cảng, đại lý của chủ tàu và các cơ quan, tổ chức liên quan tại khu vực để tổ chức cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải an toàn, hiệu quả;

b) Lập kế hoạch bố trí Hoa tiêu dẫn tàu hàng ngày, thông báo với Cảng vụ hàng hải, các Công ty hoa tiêu hàng hải trong vùng hoa tiêu để thống nhất thực hiện; trường hợp có thay đổi phải kịp thời thông báo và nêu rõ lý do;

c) Tổ chức trực ban 24/24h.

4. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan

a) Đối với các bộ phận có liên quan như: Điều khiển phương tiện thủy, bộ đưa đón Hoa tiêu; nhân viên tính phí hoa tiêu,... căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao nghiêm túc thực thi chức trách của mình;

b) Phối hợp về lĩnh vực cung ứng dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải giữa các Công ty hoa tiêu:

Về lĩnh vực đào tạo, huấn luyện và cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải;

Về lĩnh vực bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường (Quy chế phối hợp VTS, nội quy cảng biển khu vực, quy định làm việc tại các doanh nghiệp cảng, tổ chức bảo đảm an toàn hàng hải...);

Về lĩnh vực cứu hộ, tìm kiếm cứu nạn (các Công ty hoa tiêu hàng hải, Trung tâm Phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải khu vực, các Cảng vụ hàng hải khu vực...).

Điều 10. Cơ sở đánh giá tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải đối với Hoa tiêu

1. Độ tin cậy

a) Hoa tiêu đủ điều kiện hành nghề theo quy định của pháp luật;

b) Mặc trang phục, sử dụng công cụ, bảo hộ lao động theo quy định khi thực thi nhiệm vụ;

c) Không tổ chức, hoặc tham gia đình công, lãn công dưới bất cứ hình thức nào.

2. Mức độ thỏa mãn nhu cầu của khách hàng

a) Cập nhật các quy định mới, có ý thức rèn luyện nâng cao sức khỏe, tay nghề, kỹ năng điều động và xử lý tình huống;

b) Mẫn cán trong thực hiện nhiệm vụ, không gây khó khăn, sách nhiễu trong khi làm nhiệm vụ;

c) Không để xảy ra các tình trạng mất an toàn, an ninh, tai nạn tàu thuyền do lỗi chủ quan của hoa tiêu.

3. Mức độ đảm bảo an toàn, đảm bảo an ninh hàng hải và việc thực hiện các quy định về phòng ngừa ô nhiễm môi trường

a) Dẫn tàu đảm bảo an toàn, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường;

b) Dẫn tàu đi đúng tuyến luồng quy định, đúng giờ; lên xuống tàu đúng vị trí, yêu cầu quy định;

c) Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình tác nghiệp dẫn tàu, nội quy cảng biển khu vực.

4. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan

a) Hợp tác, tư vấn tốt cho thuyền trưởng, đại lý của chủ tàu về các điều kiện hành hải ở khu vực dẫn tàu; khuyến cáo thuyền trưởng về các hành động không phù hợp với quy định bảo đảm an toàn hàng hải và các quy định khác có liên quan của pháp luật;

b) Phối hợp chặt chẽ với các Cảng vụ hàng hải, Công ty hoa tiêu, tổ chức bảo đảm an toàn hành hải, Trung tâm phối hợp tìm kiếm cứu nạn khu vực và các cơ quan hữu quan về các vấn đề có liên quan trong công tác dẫn tàu nhằm bảo đảm an toàn tuyệt đối cho con người, tàu, hàng hóa, nhà máy, cảng biển.

5. Báo cáo công tác dẫn tàu

Tại tuyến dẫn tàu được giao có xác nhận của thuyền trưởng hoặc đại lý sau mỗi chuyến dẫn tàu bao gồm: Phiếu hoa tiêu dẫn tàu và phát sinh, tai nạn, tình huống nguy hiểm; thái độ tác nghiệp dẫn tàu, và những vấn đề có liên quan đến công tác dẫn tàu.

Chương III
ĐỊNH MỨC THỜI GIAN LAO ĐỘNG CÔNG NGHỆ HOA TIÊU

Điều 11. Quy định chung

Thời gian lao động công nghệ hoa tiêu trên tuyến dẫn tàu ra, vào cảng biển, vị trí neo, buộc phao trong các vùng hoa tiêu hàng hải bắt buộc xác định căn cứ theo các yếu tố sau:

1. Sơ đồ hành trình trên tuyến dẫn tàu, tốc độ chạy tàu cho phép trên tuyến dẫn tàu, trên biển theo Nội quy cảng biển.

2. Chiều dài của tuyến dẫn tàu được xác định dựa trên cơ sở sau:

a) Thông báo công bố vùng nước cảng biển và các tuyến dẫn tàu trong vùng hoa tiêu bắt buộc của Việt Nam;

b) Quyết định về việc giao tuyến dẫn tàu cho Công ty hoa tiêu;

c) Xác định trên hải đồ các tuyến dẫn tàu từ các vị trí quy định đón, trả hoa tiêu (P/S) đến các cảng thuộc khu vực;

d) Số liệu báo cáo thống kê chiều dài tuyến dẫn tàu cụ thể của các Công ty hoa tiêu được tổng hợp trong Bảng 1, Bảng 2, Bảng 3 của Phụ lục kèm theo định mức này. Khi áp dụng để tính định mức cần được kiểm tra điều chỉnh cho phù hợp thực tế. Đối với các tuyến dẫn tàu bổ sung (chưa có trong các Bảng 1, 2, 3 của Phụ lục kèm theo định mức này) thì chiều dài tuyến dẫn tàu được xác định theo kết quả khảo sát thực tế.

3. Trường hợp Hoa tiêu dẫn tàu có dung tích lớn (từ 50.000 DWT trở lên) hoặc dẫn tàu chạy đêm thời tiết xấu, tầm nhìn xa bị hạn chế, mật độ tàu thuyền cao, tàu chở hàng nguy hiểm thì có thể: bố trí 02 Hoa tiêu làm việc trên tàu để đảm bảo an toàn hoặc áp dụng hệ số $k_6 \leq 2,0$.

4. Định mức thời gian hoạt động của phương tiện thủy được nêu tại Bảng 6 và định mức hao phí thời gian công nghệ hoa tiêu dẫn tàu được nêu tại Bảng 7 của Phụ lục kèm theo định mức này.

Điều 12. Xác định thời gian lao động công nghệ hoa tiêu dẫn tàu vào cầu cảng, hoặc đến vị trí yêu cầu

1. Thời gian chuẩn bị tác nghiệp

Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty hoa tiêu, tiến hành xem xét nghiên cứu các yếu tố liên quan (khí tượng, thủy hải văn, vị trí cầu cảng, vị trí giàn khoan, bến neo, phao buộc) chuẩn bị phương án điều động, tác nghiệp trên hải đồ, thời gian công việc này là 20 phút.

2. Thời gian đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn

a) Thời gian phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty hoa tiêu đến bến xuất phát (kể cả thời gian trình báo thủ tục) được xác định theo quãng đường đi thực tế với tốc độ trung bình của xe: 25 km/h trong thành phố, 50 km/h ngoài thành phố. Trường hợp dùng phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty hoa tiêu đến bến xuất phát, được xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của phương tiện thủy;

b) Thời gian phương tiện thủy làm ma nơ rời bến xuất phát là 10 phút;

c) Thời gian phương tiện thủy đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn: xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của phương tiện thủy;

d) Thời gian phương tiện thủy làm ma nơ cập tàu được dẫn là 10 phút.

3. Thời gian Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu

a) Thời gian Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng là 10 phút;

b) Thời gian Hoa tiêu điều động tàu kéo neo, hoặc cởi dây buộc phao, làm ma nơ tàu là 30 phút;

c) Thời gian Hoa tiêu dẫn tàu hành trình theo tuyến dẫn tàu quy định từ vị trí đón trả Hoa tiêu vào cảng hoặc vị trí neo, buộc phao theo yêu cầu: xác định theo khoảng cách dẫn tàu với tốc độ cho phép đối với tuyến dẫn tàu;

d) Thời gian Hoa tiêu làm ma nơ tàu được dẫn cập cầu cảng, hoặc vị trí neo đậu theo yêu cầu, thả neo (buộc phao) bình quân là 60 phút;

đ) Thời gian Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng, chờ tàu làm cầu thang (nếu ở cầu cảng) hoặc chờ phương tiện thủy làm ma nơ cập tàu (nếu ở khu neo, buộc phao) và rời tàu là 10 phút.

4. Thời gian đón Hoa tiêu từ cầu cảng hoặc vị trí neo, buộc phao của tàu được dẫn về Trụ sở Công ty hoa tiêu

a) Trường hợp tàu được dẫn cập cầu cảng xuất phát của phương tiện thủy, xe ô tô đón Hoa tiêu từ cầu cảng về Trụ sở Công ty hoa tiêu: thời gian đi đường (kể cả thời gian trình báo thủ tục) được xác định theo quãng đường đi thực tế của từng khu vực, với tốc độ xe chạy: 25 km/h trong thành phố, 50 km/h ngoài thành phố;

b) Trường hợp tàu được dẫn cập cảng hoặc neo, buộc phao có vị trí khác bến xuất phát:

Trường hợp phương tiện thủy làm ma nơ cập tàu đón Hoa tiêu và đưa về bến xuất phát. Thời gian xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình

của phương tiện thủy; Trường hợp phương tiện bộ đón Hoa tiêu từ bến xuất phát về Trụ sở Công ty hoa tiêu, thời gian đi đường (kể cả thời gian trình báo thủ tục) được xác định theo quãng đường đi thực tế với tốc độ xe chạy: 25 km/h trong thành phố, 50 km/h ngoài thành phố; hoặc trường hợp phương tiện thủy hoặc xe ô tô hoặc cả hai loại phương tiện đưa Hoa tiêu từ tàu được dẫn về Trụ sở Công ty hoa tiêu: Trường hợp này thời gian hành trình của phương tiện thủy được xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của phương tiện thủy, thời gian ô tô được xác định theo quãng đường đi thực tế với tốc độ xe chạy: 25 km/h trong thành phố, 50 km/h ngoài thành phố.

5. Thời gian Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc là 10 phút.

Điều 13. Thời gian lao động công nghệ hoa tiêu dẫn tàu dầu ra giàn khoan khai thác dầu ngoài biển với phương án Hoa tiêu đi cùng tàu dầu được dẫn ra giàn khoan khai thác dầu và dẫn tàu dầu quay về

1. Thời gian chuẩn bị tác nghiệp: Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty hoa tiêu, xem xét nghiên cứu các yếu tố liên quan (khí tượng, thủy hải văn, vị trí cầu cảng, bến neo, phao buộc...), chuẩn bị phương án điều động, tác nghiệp trên hải đồ, thời gian cho công việc này là 20 phút.

2. Thời gian đưa Hoa tiêu đến tàu dầu được dẫn:

a) Thời gian xe ô tô đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty hoa tiêu đến bến xuất phát (kể cả thời gian trình báo thủ tục) được xác định theo quãng đường đi thực tế với tốc độ trung bình của ô tô: 25 km/h trong thành phố, 50 km/h ngoài thành phố;

b) Thời gian phương tiện thủy làm ma nơ rời bến xuất phát là 10 phút;

c) Thời gian phương tiện thủy hành trình đưa Hoa tiêu đến tàu dầu được dẫn: xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của phương tiện thủy;

d) Thời gian phương tiện thủy làm ma nơ cập tàu dầu được dẫn là 10 phút.

3. Thời gian Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu dầu:

a) Thời gian Hoa tiêu lên tàu dầu được dẫn, trao đổi với Thuyền trưởng là 20 phút;

b) Thời gian chuẩn bị và chờ đợi các yếu tố thuận lợi cho hành trình tàu chở dầu ra biển (thủy triều, thời tiết ổn định, bố trí tàu lai dắt): Tính trung bình tiên tiến theo số liệu thống kê bình quân 03 năm gần nhất của tuyến dẫn tàu;

c) Thời gian Hoa tiêu điều động tàu dầu kéo neo là 30 phút;

d) Thời gian Hoa tiêu tác nghiệp hành trình dẫn tàu dầu từ giàn khai thác dầu trở về vùng đón trả hoa tiêu: xác định theo cự ly và tốc độ cho phép của từng tuyến dẫn tàu;

đ) Thời gian trao đổi với thuyền trưởng và đại diện giàn khai thác dầu để thống nhất phương án cập buộc là 30 phút;

e) Thời gian Hoa tiêu hướng dẫn tàu lai tác nghiệp và làm ma nơ tàu chở dầu cập kho nổi chứa dầu của giàn khoan khai thác dầu là 120 phút;

g) Thời gian Hoa tiêu điều động tàu dầu được dẫn ổn định vị trí để nối ống bơm dầu với kho nổi chứa dầu là 120 phút;

h) Thời gian Hoa tiêu thường trực điều động tàu dầu được dẫn ổn định để làm các thủ tục kiểm tra hầm hàng là 60 phút;

i) Thời gian Hoa tiêu thường trực điều động tàu dầu được dẫn ổn định để làm hàng: Tính theo số liệu thống kê thực tế bình quân 03 năm gần nhất;

k) Thời gian Hoa tiêu điều động tàu dầu được dẫn tháo ống bơm dầu là 90 phút;

l) Thời gian Hoa tiêu điều động tàu dầu được dẫn ổn định vị trí để làm các thủ tục xác định khối lượng, chất lượng dầu là 90 phút;

m) Thời gian Hoa tiêu trao đổi với Thuyền trưởng phương án đưa tàu dầu ra là 30 phút;

n) Thời gian Hoa tiêu điều động tháo dây tàu lai và điều động tàu dầu đến vị trí an toàn, chờ làm các thủ tục xác nhận về hàng hóa và thông quan là 120 phút;

o) Thời gian Hoa tiêu tác nghiệp hành trình dẫn tàu dầu từ vị trí an toàn về vùng đón trả hoa tiêu quy định: xác định theo cự ly và tốc độ cho phép của từng tuyến dẫn tàu; thời gian Hoa tiêu hoàn tất công việc dẫn tàu và bàn giao tàu dầu cho Thuyền trưởng là 20 phút.

4. Thời gian đón Hoa tiêu từ vùng đón trả hoa tiêu quy định về Trụ sở Công ty hoa tiêu:

a) Thời gian phương tiện thủy làm ma nơ cập tàu dầu đón Hoa tiêu là 10 phút;

b) Thời gian phương tiện thủy hành trình đưa Hoa tiêu về bến xuất phát: Xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của phương tiện thủy;

c) Thời gian phương tiện bộ đón Hoa tiêu từ bến xuất phát về Trụ sở Công ty hoa tiêu (kể cả thời gian trình báo thủ tục) được xác định theo quãng đường đi thực tế với tốc độ xe chạy: 25 km/h trong thành phố, 50 km/h ngoài thành phố.

d) Thời gian Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc là 10 phút.

Điều 14. Thời gian lao động công nghệ hoa tiêu dẫn tàu dầu ra giàn khoan khai thác dầu ngoài biển với phương án Hoa tiêu đi máy bay ra giàn khoan khai thác dầu và dẫn tàu dầu

1. Thời gian chuẩn bị tác nghiệp: Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty hoa tiêu, xem xét nghiên cứu các yếu tố liên quan (khí tượng, thủy hải văn, vị trí cầu cảng, bến neo, phao buộc), chuẩn bị phương án điều động, tác nghiệp trên hải đồ, thời gian cho công việc này là 20 phút.

2. Thời gian đưa Hoa tiêu ra giàn khoan khai thác dầu

a) Thời gian phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty hoa tiêu ra sân bay: xác định theo quãng đường đi thực tế với tốc độ trung bình của xe: 25 km/h trong thành phố, 50 km/h ngoài thành phố;

b) Thời gian Hoa tiêu làm thủ tục lên máy bay là 60 phút;

c) Thời gian máy bay đưa Hoa tiêu ra giàn khoan khai thác dầu ngoài biển: xác định theo hợp đồng dịch vụ bay của Công ty bay dịch vụ.

3. Thời gian Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu dầu

a) Thời gian chuẩn bị và chờ đợi các yếu tố thuận lợi: đối với thủy triều, thời tiết ổn định, bố trí tàu lai dắt... tính trung bình tiên tiến theo số liệu thống kê 03 năm gần nhất;

b) Thời gian Hoa tiêu di chuyển sang tàu lai là 20 phút;

c) Thời gian tàu lai ma nơ rời kho nổi chứa dầu là 15 phút;

d) Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ kho nổi chứa dầu sang tàu dầu được dẫn, thời gian hành trình được xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của phương tiện thủy;

đ) Thời gian tàu lai ma nơ cập tàu dầu được dẫn là 20 phút;

e) Thời gian Hoa tiêu trao đổi với thuyền trưởng tàu dầu được dẫn và đại diện giàn khai thác dầu mỏ thống nhất phương án cập buộc là 30 phút;

g) Thời gian Hoa tiêu điều động tàu dầu được dẫn kéo neo 30 phút;

h) Thời gian tác nghiệp dẫn tàu dầu từ vùng đón trả hoa tiêu của mỏ đến kho nổi chứa dầu: xác định theo cự ly và tốc độ cho phép của tuyến dẫn tàu;

i) Thời gian Hoa tiêu hướng dẫn tàu lai tác nghiệp và làm ma nơ tàu chở dầu cập kho nổi chứa dầu của giàn khai thác dầu mỏ là 120 phút;

k) Thời gian Hoa tiêu điều động tàu được dẫn ổn định vị trí để nối ống bơm dầu với kho nổi chứa dầu là 120 phút; thời gian Hoa tiêu thường trực điều động tàu dầu ổn định để làm các thủ tục kiểm tra hầm hàng là 60 phút;

l) Thời gian Hoa tiêu thường trực điều động tàu dầu ổn định để làm hàng: tính theo số liệu thống kê thực tế bình quân tiên tiến 03 năm gần nhất; thời gian Hoa tiêu điều động tàu tháo ống bơm dầu là 90 phút;

m) Thời gian Hoa tiêu trực chờ đo xác định khối lượng, chất lượng dầu là 90 phút; thời gian Hoa tiêu trao đổi với Thuyền trưởng phương án đưa tàu dầu ra là 30 phút;

n) Thời gian Hoa tiêu ma nơ tàu dầu được dẫn rời kho nổi chứa dầu đến vị trí an toàn là 60 phút; thời gian Hoa tiêu điều động tháo dây tàu lai là 30 phút;

o) Thời gian Hoa tiêu điều động tàu chờ làm các thủ tục xác nhận về hàng hóa và thông quan là 120 phút; thời gian Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu dầu từ vị trí an toàn đến vùng đón trả hoa tiêu của mỏ là 30 phút; thời gian Hoa tiêu hoàn tất công việc dẫn tàu và bàn giao tàu dầu cho thuyền trưởng là 20 phút.

4. Thời gian đón Hoa tiêu từ vùng đón trả hoa tiêu của mỏ về Trụ sở Công ty hoa tiêu

a) Thời gian phương tiện thủy làm ma nơ cập tàu dầu đón hoa tiêu là 10 phút; Hoa tiêu rời tàu dầu được dẫn lên phương tiện thủy 20 phút;

b) Thời gian phương tiện thủy đưa hoa tiêu về kho nổi chứa dầu: xác định theo khoảng cách di chuyển với tốc độ trung bình của phương tiện thủy; thời gian phương tiện thủy làm ma nơ cập kho nổi chứa dầu là 20 phút;

c) Hoa tiêu rời phương tiện thủy lên kho nổi chứa dầu là 10 phút; Hoa tiêu chờ đợi máy bay tại kho nổi chứa dầu: theo số liệu thống kê bình quân 03 năm gần nhất liền kề;

d) Thời gian hoa tiêu bay từ kho nổi chứa dầu về sân bay Vũng Tàu: xác định theo hợp đồng dịch vụ bay của Công ty bay dịch vụ;

đ) Thời gian xe ô tô đón hoa tiêu từ sân bay về Trụ sở Công ty hoa tiêu (kể cả thời gian trình báo thủ tục) được xác định theo quãng đường đi thực tế với tốc độ xe chạy: 25 km/h trong thành phố, 50km/h ngoài thành phố;

Thời gian Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc là: 10 phút.

Chương IV
ĐỊNH MỨC TIÊU HAO NHIÊN LIỆU, DẦU BÔI TRƠN CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY, XE Ô TÔ ĐƯA, ĐÓN HOA TIÊU

Điều 15. Quy định chung

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật tiêu hao nhiên liệu, dầu bôi trơn của phương tiện thủy, xe ô tô đưa đón Hoa tiêu xác định mức hao phí cần thiết về nhiên liệu, dầu bôi trơn của phương tiện thủy, ô tô để thực hiện một quy trình dẫn tàu của hoa tiêu hàng hải.

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật tiêu hao nhiên liệu, dầu bôi trơn được xây dựng trên cơ sở các phương tiện, thiết bị hiện đang sử dụng tại các Công ty hoa tiêu; các tài liệu kỹ thuật của nhà chế tạo và mức phụ tải thực tế sử dụng của các phương tiện; quy trình tác nghiệp dẫn tàu; tốc độ cho phép của các phương tiện thủy, bộ.

3. Định mức nhiên liệu của phương tiện thủy được tính theo lượng tiêu hao nhiên liệu trong 1 giờ làm việc (kg/h) theo các chế độ và thời gian hoạt động của phương tiện, trên cơ sở suất tiêu hao nhiên liệu (g_{tt}) quy định trong tài liệu kỹ thuật của nhà chế tạo.

4. Định mức nhiên liệu của xe ô tô được tính theo suất tiêu hao nhiên liệu của phương tiện mới (g_{oto}), quy định trong tài liệu kỹ thuật của nhà chế tạo khi di chuyển 100 km (lít/100km).

5. Đối với các phương tiện thủy: Áp dụng các hệ số điều chỉnh thời gian khai thác phương tiện (k_t) như sau:

Đối với các phương tiện thủy có thời gian hoạt động từ 5 năm đến dưới 10 năm: Tăng thêm 3% (k_t = 1,03);

Đối với các phương tiện thủy có thời gian hoạt động từ 10 năm trở lên: Tăng thêm 5% (k_t = 1,05);

6. Mức tiêu hao nhiên liệu của xe ô tô khi chạy trong thành phố được tính tăng thêm 10% (k_{tp} = 1,10).

7. Mức tiêu hao dầu bôi trơn được tính theo tỷ lệ % của lượng tiêu hao nhiên liệu (1% đối với xe ô tô; 2% đối với phương tiện thủy).

8. Thông số kỹ thuật chi tiết của các loại phương tiện thủy, xe ô tô đưa đón hoa tiêu hiện có được tổng hợp trong các Bảng 4 và Bảng 5 của Phụ lục kèm theo định mức này.

Điều 16. Định mức kinh tế - kỹ thuật tiêu hao nhiên liệu của xe ô tô

Lượng tiêu hao nhiên liệu của xe ô tô đưa, đón Hoa tiêu cho mỗi chuyến công tác (G_{oto}) được xác định tại Bảng 5 của Phụ lục kèm theo định mức này.

Lượng tiêu hao nhiên liệu của xe ô tô đưa, đón Hoa tiêu cho mỗi chuyến công tác (G_{oto}) được xác định như sau:

$$G_{oto} = g_{oto}\frac{L}{100}k_{tp}k_{dh} \qquad \text{(lít)}$$

Trong đó:

G_{oto} - Lượng nhiên liệu tiêu hao của xe ô tô cho mỗi chuyến công tác (lít).

g_{oto} - Suất tiêu hao nhiên liệu của xe ô tô trên quãng đường 100km, căn cứ trên cơ sở tài liệu kỹ thuật của nhà chế tạo cung cấp, hoặc kết quả thử nghiệm (lít/100km).

k_{tp} = 1,10 - Hệ số điều chỉnh khi xe ô tô chạy trong thành phố.

k_{dh} = 1,05 - Hệ số điều chỉnh khi xe chạy sử dụng điều hòa nhiệt độ.

L - Quãng đường thực tế xe chạy đưa đón Hoa tiêu trong chuyến công tác (km).

Điều 17. Định mức kinh tế - kỹ thuật tiêu hao nhiên liệu của phương tiện thủy

1. Các chế độ hoạt động của tàu đưa đón Hoa tiêu

Các chế độ hoạt động của tàu đưa đón Hoa tiêu: manơ rời, cập cầu cảng, hành trình đưa (hoặc đón) Hoa tiêu trên tuyến luồng, manơ cập, rời tàu được dẫn, nổ máy chờ Hoa tiêu, được xác định thông qua hệ số chế độ hoạt động của tàu thủy (k_{tt}), cụ thể như sau:

a) Làm manơ rời, cập cầu cảng: Máy chạy ở chế độ tương ứng 30% công suất định mức của máy (N_e) quy định trong tài liệu kỹ thuật của nhà chế tạo (k_{tt} = 0,30);

b) Hành trình đưa (hoặc đón) Hoa tiêu trên tuyến luồng (từ điểm neo ra vùng đón trả hoa tiêu hoặc ngược lại): Chạy máy ở chế độ tương ứng 85% công suất định mức (N_e) của máy (k_{tt} = 0,85);

c) Làm manơ cập, rời tàu được dẫn: Chạy máy ở chế độ trung bình, tương ứng 50% công suất định mức của máy (k_{tt} = 0,50);

d) Chờ Hoa tiêu: Chạy máy ở chế độ máy tương ứng 40% công suất định mức của máy để chờ lệnh của Hoa tiêu trước khi trở về bến xuất phát (k_{tt} = 0,40);

2. Các chế độ hoạt động của Ca nô đưa đón Hoa tiêu

Các chế độ hoạt động của canô đưa đón Hoa tiêu: Manơ rời, cập cầu cảng, hành trình đưa (hoặc đón) Hoa tiêu trên tuyến luồng, manơ cập, rời tàu được dẫn, nổ máy chờ Hoa tiêu, được xác định thông qua hệ số chế độ hoạt động của canô (k_{cn}), cụ thể như sau:

a) Làm manơ rời, cập cầu cảng: Chạy máy ở chế độ tương ứng 30% công suất định mức của máy (N_e) quy định trong tài liệu kỹ thuật của nhà chế tạo (k_{cn} = 0,30);

b) Hành trình đưa (hoặc đón) Hoa tiêu từ cầu cảng ra vị trí neo của tàu được dẫn và ngược lại: Canô chạy máy ở chế độ hành trình tương ứng 85% công suất định mức của máy (N_e) quy định trong tài liệu kỹ thuật của nhà chế tạo (k_{cn} = 0,85);

c) Làm manơ cập, rời tàu được dẫn để đưa, đón Hoa tiêu: Khi canô hành trình đến tàu được dẫn neo tại vùng đón trả hoa tiêu, chạy máy ở chế độ tương ứng 40% công suất định mức của máy (N_e), quy định trong tài liệu kỹ thuật của nhà chế tạo (k_{cn} = 0,40);

3. Xác định lượng tiêu hao nhiên liệu trong 01 giờ hoạt động của phương tiện thủy

Lượng tiêu hao nhiên liệu trong 01 giờ hoạt động của phương tiện thủy được xác định như sau:

$$G_{tt} = \frac{g_{tt}.N_e}{1000} k_{tt} \text{ (hoặc } k_{cn}).k_t.k_1 \textit{(kg/h)}$$

Trong đó:

G_{tt} - Lượng tiêu hao nhiên liệu trong 01 giờ ở các chế độ hoạt động khác nhau của phương tiện thủy (kg/h); N_e - Công suất định mức của máy, quy định trong tài liệu kỹ thuật của nhà chế tạo, (hp); g_{tt} - Suất tiêu hao nhiên liệu của động cơ ở chế độ khai thác Ne, được xác định theo tài liệu kỹ thuật của nhà chế tạo (g/hp.h); k_{tt} (k_{cn}) - Hệ số điều chỉnh mức công suất theo các chế độ hoạt động khác nhau của tàu thủy (hoặc canô) đưa, đón Hoa tiêu; k_t - Hệ số điều chỉnh thời gian khai thác phương tiện; k_1 - Hệ số điều chỉnh suất tiêu hao nhiên liệu ở các mức công suất khai thác khác nhau được xác định theo Hệ số điều chỉnh theo bảng dưới đây:

k_{tt} (hoặc k_{cn})	≤ 0,25	0,25 ÷ ≤ 0,50	0,50 ÷ ≤ 0,75	> 0,75
k_1	1,3	1,2	1,1	1,0

Lượng tiêu hao nhiên liệu của phương tiện thủy được xác định tại Bảng 6 của Phụ lục kèm theo định mức này.

PHỤ LỤC

Bảng 1. Mã hiệu và khoảng cách các tuyến dẫn tàu

TT	Từ vị trí đón đến vị trí trả hoa tiêu (và ngược lại)	Mã tuyến luồng dẫn tàu	Khoảng cách dẫn tàu (hải lý)
1	P/S 3 Vũng Tàu - Sài Gòn	T1	52
2	P/S 3 Vũng Tàu - Đồng Nai	T2	70
3	P/S 3 Vũng Tàu - Hiệp Phước	T3	42
4	P/S 3 Vũng Tàu - Long An	T4	55
5	P/S 3 Vũng Tàu - Đồng Tháp	T5	115
6	P/S 3 Vũng Tàu - Cát Lở	T6	11
7	Sài Gòn - Đồng Nai	T7	24
8	Sài Gòn - Đồng Tháp	T8	163
9	Sài Gòn - Long An	T9	57
10	P/S 3 Vũng Tàu - Bến Lức (qua Vàm Láng)	T10	55
11	P/S 3 Vũng Tàu - Nhà máy điện Nhơn Trạch	T11	32
12	P/S 3 Vũng Tàu - Gò Gia	T12	22
13	Dời khu vực Sài Gòn - Vũng Tàu	T13	5
14	Sài Gòn - Sa Đéc	T13a	85
15	P/S 3 Vũng Tàu - Bình Khánh (qua sông Soài Rạp)	T13b	45
16	P/S 3 Vũng Tàu - Mỹ Tho	T13c	60
17	Mỹ Tho - Vĩnh Xương	T13d	95
18	P/S Bình Thuận - Cảng Vĩnh Tân	T13e	7
19	P/S Bình Thuận - Cảng LPG Hòa Phú	T13g	3
20	Khu chuyển tải biển Hồ Lân	T13h	3
21	P/S Định An - Cụm Cảng Cần Thơ (các Cảng: Cần Thơ, Cái Cui, Dầu Petro...)	T14	65
22	P/S Định An - Cảng Mỹ Thới (An Giang)	T15	90
23	P/S Định An - Cảng Trần Quốc Toản (Đồng Tháp)	T16	140
24	P/S Bồ Đề - Cảng Năm Căn (Cà Mau)	T17	25
25	P/S Bình Trị - Cảng Bình Trị (Hòn Chông)	T18	10
26	Cảng Cái Cui - Cảng Cần Thơ	T97	9

TT	Từ vị trí đón đến vị trí trả hoa tiêu (và ngược lại)	Mã tuyến luồng dẫn tàu	Khoảng cách dẫn tàu (hải lý)
27	Di chuyển trong Cảng Cần Thơ	T98	4
28	P/S Định An - Vĩnh Xương (Biên giới)	T98a	135
29	P/S Định An - Trạm Định An	T98b	17
30	P/S Dương Đông - Cảng An Thới (Phú Quốc)	T98c	16
31	P/S Dương Đông - Cảng Dương Đông (Phú Quốc)	T98d	4
32	P/S An Thới - Cảng An Thới	T98e	4
33	P/S An Thới - Cảng Dương Đông	T98g	16
34	Cần Thơ - Đồng Tháp	T98h	75
35	Cần Thơ - Vĩnh Xương (Biên giới)	T98i	70
36	Cần Thơ - Mỹ Thới	T98k	25
37	P/S Quan Chánh Bố - Nhà máy Nhiệt điện Trà Vinh	T98l	6
38	P/S Quy Nhơn - Cảng Quy Nhơn	T19	5
39	P/S Quy Nhơn - Cảng dầu, khu neo đậu Cảng Quy Nhơn	T20	6
40	P/S Vũng Rô - Cảng dầu Vũng Rô	T21	5
41	P/S Đà Diễn - Khu chuyển tải Đà Diễn	T22	4
42	P/S Tiên Châu - Khu chuyển tải Tiên Châu	T23	4
43	P/S Đề Gi - Khu chuyển tải Đề Gi	T24	4
44	P/S Bàn Thạch - Khu chuyển tải Bàn Thạch	T24a	4
45	P/S Nha Trang - Cảng Nha Trang	T25	5
46	P/S Vân Phong - Cảng HVS	T26	8
47	P/S Vân Phong - Cảng chuyển tải dầu STS	T27	6
48	P/S Vân Phong - Cảng Đầm Môn	T28	11
49	P/S Vân Phong - Cảng xi măng Nghi Sơn	T29	10
50	P/S Vân Phong - Cảng kho dầu ngoại quan Vân Phong	T30	8
51	P/S Ba Ngòi - Cảng Cam Ranh	T31	9
52	P/S Ba Ngòi - Cảng xi măng Hà Tiên	T32	10
53	P/S Ba Ngòi - Kho K720	T33	10

TT	Từ vị trí đón đến vị trí trả hoa tiêu (và ngược lại)	Mã tuyến luồng dẫn tàu	Khoảng cách dẫn tàu (hải lý)
54	P/S Ninh Chữ - Khu chuyển tải Ninh Chữ	T34	5
55	P/S Vân Phong - Cảng Hòn Khói	T34a	14
56	P/S Cà Ná - Cảng Cà Ná	T34b	3
57	Di chuyển trong Cảng Nha Trang	T34c	3
58	Di chuyển trong Cảng Kho dầu ngoại quan Vân Phong	T34d	4
59	Di chuyển trong Cảng Cam Ranh	T34e	4
60	P/S Vân Phong - Cảng chuyển tải cát Vân Phong, Hòn Gốm	T34g	21
61	P/S 4 Vũng Tàu - P/S Bạch Hổ	T35	62
62	P/S 4 Vũng Tàu - P/S Rồng	T36	64
63	P/S 4 Vũng Tàu - P/S Đại Hùng	T37	146
64	P/S 4 Vũng Tàu - P/S Sư Tử Đen	T38	80
65	P/S 4 Vũng Tàu - P/S Hồng Ngọc (Ruby)	T39	85
66	P/S 4 Vũng Tàu - P/S Rạng Đông	T40	70
67	P/S 4 Vũng Tàu - P/S Rồng Đôi - Rồng Đôi Tây	T41	166
68	P/S 4 Vũng Tàu - P/S Trường Sơn	T42	277
69	P/S 4 Vũng Tàu - P/S Sư Tử Vàng	T43	80
70	P/S 4 Phú Quý - Cảng Phú Quý	T44	5
71	P/S 4 Vũng Tàu - P/S Tê Giác Trắng	T45	56
72	P/S 4 Vũng Tàu - P/S Chim Sáo	T46	188
73	P/S 4 Vũng Tàu - P/S Biển Đông	T46a	172
74	P/S 4 Vũng Tàu - P/S Thăng Long - Đông Đô	T46b	92
75	P/S Hải Phòng - Cảng Hải Phòng (Các cảng dọc luồng Bạch Đằng, Sông Cấm)	T47	26
76	P/S Hải Phòng - Nam Triệu, Phà Rừng (Công ty đóng tàu Nam Triệu, Phà Rừng, Nhà máy XM Chinh Phong, Caltex...)	T48	27
77	P/S Hải Phòng - Khu vực neo đậu Hạ Long	T49	23
78	P/S Hải Phòng - Khu vực neo đậu Lan Hạ	T49a	15

TT	Từ vị trí đón đến vị trí trả hoa tiêu (và ngược lại)	Mã tuyến luồng dẫn tàu	Khoảng cách dẫn tàu (hải lý)
79	P/S Hải Phòng - Khu vực neo, buộc phao Bến Gót, Ninh Tiếp, Bạch Đằng	T50	20
80	Khu vực neo, buộc phao Bến Gót, Ninh Tiếp, Bạch Đằng - Cảng Hải Phòng	T51	15
81	Khu vực neo Hạ Long - Cảng Hải Phòng	T52	49
82	Khu vực neo Lan Hạ - Cảng Hải Phòng	T52a	41
83	Khu vực neo Hạ Long - Lan Hạ	T53	8
84	Di chuyển trong Cảng Hải Phòng	T54	6
85	P/S Thái Bình - Cảng Diêm Điền (Thái Bình)	T54a	6
86	P/S Nam Định - Cảng Hải Thịnh (Nam Định)	T54b	6
87	Các Công ty (Công ty đóng tàu Nam Triệu, đóng tàu Phà Rừng, xi măng Chinh Phong, Caltex) - Cảng Hải Phòng	T55	13
88	Khu neo Hạ Long - Khu neo, buộc phao Bến Gót, Ninh Tiếp, Bạch Đằng	T56	43
89	Khu neo Lan Hạ - Khu neo, buộc phao Bến Gót, Ninh Tiếp, Bạch Đằng	T56a	35
90	P/S Hòn Cam - Vùng neo Hạ Long	T57	10
91	Vùng neo Hạ Long - Cảng B12	T58	8
92	P/S Hòn Cam - Vùng neo Hòn Gai	T59	18
93	P/S Hòn Cam - Cảng Cái Lân	T60	21
94	P/S Hòn Cam - Cầu XM Thăng Long	T61	21
95	P/S Hòn Cam - Cầu XM Hạ Long	T62	24
96	NM đóng tàu Hạ Long, TKV - P/S Hòn Cam - Vùng neo Hòn Gai	T63	42
97	P/S Hòn Cam - Cầu XM Cẩm Phả	T64/T64*	26
98	P/S Hòn Cam - Vùng neo Abei	T65/T65*	20
99	P/S Vạn Gia - Vùng neo Vạn Gia	T66	8
100	Vùng neo Vạn Gia - Cảng khách Hòn Gai	T66a	65
101	P/S Hòn Cam - Cảng dầu PV Oil	T66b	23
102	P/S Đà Nẵng - Cảng Tiên Sa (Các cầu cảng thuộc Cảng Tiên Sa)	T67	5

TT	Từ vị trí đón đến vị trí trả hoa tiêu (và ngược lại)	Mã tuyến luồng dẫn tàu	Khoảng cách dẫn tàu (hải lý)
103	P/S Đà Nẵng - Cảng X50	T68	6
104	P/S Đà Nẵng - Cảng Sông Hàn (Các cầu cảng thuộc Cảng Sông Hàn)	T69	7
105	P/S Đà Nẵng - Cảng Liên Chiểu	T71	5
106	P/S Mỹ Khê - Phao Mỹ Khê	T72	3
107	P/S Chân Mây - Cảng Chân Mây	T73	5
108	P/S Kỳ Hà - Cảng Kỳ Hà	T74	5
109	P/S Dung Quất - Cụm Cảng Dung Quất (Các cầu cảng thuộc cụm Cảng Dung Quất)	T75	5
110	P/S Dung Quất - Phao SPM (Dung Quất)	T76	10
111	P/S Sa Kỳ - Cảng Sa Kỳ	T77	3
112	P/S Cửa Lở - Khu chuyển tải Cửa Lở	T78	3
113	Dịch vụ khác (di chuyển, quay trở trong vùng nước các cảng - Áp dụng chung cho toàn bộ 12 tuyến dẫn tàu thuộc địa phận trách nhiệm của Công ty)	T79a, T79b	Tùy từng tuyến
114	P/S Nghi Sơn - Cảng chuyên dùng Nhà máy XM Nghi Sơn	T80	6
115	P/S Nghi Sơn - Cảng Tổng hợp Nghi Sơn	T81	6
116	P/S Cửa Lò - Cảng Cửa Lò, Cảng xăng dầu Nghi Hương	T82	6
117	P/S Vũng Áng - Cảng Vũng Áng, Cảng xăng dầu Vũng Áng, Cảng Nhiệt điện Vũng Áng	T83	5
118	P/S Hòn La - Cảng Hòn La	T84	4
119	P/S Nghi Sơn - Cảng nhiệt điện Nghi Sơn	T84a	7
120	P/S Sơn Dương - Cảng Sơn Dương	T84b	9
121	P/S Cửa Việt - Cảng Cửa Việt, Cảng Xăng dầu Cửa Việt	T84c	4
122	P/S Hòn Cam - Khu chuyển tải Hòn Nét	T85	17
123	P/S Hòn Cam - Cầu Cảng Cẩm Phả	T86	26
124	P/S Hòn Cam - Vùng neo Hòn Ót	T87	26

TT	Từ vị trí đón đến vị trí trả hoa tiêu (và ngược lại)	Mã tuyến luồng dẫn tàu	Khoảng cách dẫn tàu (hải lý)
125	Khu chuyển tải Hòn Nét - Cầu Cảng Cẩm Phả	T89	9
126	Vùng neo Abei - Cầu Cảng Cẩm Phả	T90	6
127	Vùng neo Hòn Ót - Cầu XM Cẩm Phả	T91	5
128	P/S 3 Vũng Tàu - Cảng Cát Lái (Sông Lòng Tàu)	T92	48
129	P/S 3 Vũng Tàu - Cảng Cái Mép Thượng	T93	20
130	Cảng Cái Mép Thượng - Cảng Cát Lái	T94	50
131	Dời tại Cảng Cát Lái - Phao Cát Lái	T95	5
132	Dời tại Cảng Cái Mép	T96	5
133	P/S 3 Vũng Tàu - Container Quốc tế Cái Mép	T96a	18
134	Container Quốc tế Cái Mép - Cảng Cát Lái	T96b	48
135	P/S 3 Vũng Tàu - Cảng Cát Lái (Sông Soài Rạp)	T96c	53
136	P/S 3 Vũng Tàu - Cụm Cảng: Vietsovpetro, PTSC	T99	12
137	P/S 3 Vũng Tàu - Cụm Cảng: Cát Lở, Đông Xuyên, Shipyard, Hà Lộc	T100	15
138	P/S 3 Vũng Tàu - Vùng neo Gành Rái	T101	11
139	Di chuyển trong các cảng trên luồng Sông Dinh	T102	4
140	P/S 3 Vũng Tàu - Cụm Cảng: Ve Dan, Gò Dầu A, Phosphat Long Thành, Bến tổng hợp số 2, UNICQUE GAS, Gò Dầu B, Cẩm Phả	T103	30
141	P/S 3 Vũng Tàu - Cụm Cảng: Nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ, CLINKER HOLCIM, SITV, Baria Serece, Đạm và dầu khí tổng hợp Phú Mỹ, Phú Mỹ PTSC, Nhà máy thép Phú Mỹ, SP-PSA, POSCO	T104	24
142	P/S 3 Vũng Tàu - Cụm Cảng: Interflour, PV Gas, Petec	T105	21
143	P/S 3 Vũng Tàu - Cụm Cảng: Xăng dầu Hưng Thái, Quốc tế Cái Mép (CMIT), SSIT	T106	19
144	P/S 3 Vũng Tàu - Gò Da	T107	22
145	Dịch chuyển tàu tại các cảng luồng Cái Mép - Thị Vải	T108	8
146	P/S Côn Đảo - Cảng Bến Đầm (Côn Đảo)	T109	3
147	P/S 3 Vũng Tàu - Biên giới Vĩnh Xương	T110	150

Bảng 2. Khoảng cách hoạt động của phương tiện thủy cho từng tuyến dẫn tàu

TT	Tuyến dẫn tàu	Tuyến đường hoạt động	Khoảng cách (hải lý)
1	Tuyến 1	Trụ sở Công ty - Phước Khánh - Trụ sở Công ty	24
		Trụ sở Công ty - Nhà Bè - Trụ sở Công ty	20
		Trụ sở Công ty - NAVIOIL - Trụ sở Công ty	16
		Trụ sở Công ty - Đèn Đỏ - Trụ sở Công ty	14
		Trụ sở Công ty - K16 LOTUS - Trụ sở Công ty	10
		Trụ sở Công ty - BASON - Trụ sở Công ty	6
		Trụ sở Công ty - Cát Lái - Trụ sở Công ty	20
		Trụ sở Công ty - VITAICO- Trụ sở Công ty	24
		Trụ sở Công ty - Viko Wochimex - Trụ sở Công ty	32
		Cầu Đá - P/S 1+2 Vũng Tàu - Cầu Đá	5
		Cầu Đá - P/S 3 Vũng Tàu - Cầu Đá	12
2	Tuyến 2	Cầu Đá - P/S 1+2 Vũng Tàu - Cầu Đá	5
		Cầu Đá - P/S 3 Vũng Tàu - Cầu Đá	12
3	Tuyến 3	Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 2	
4	Tuyến 4	Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 2	
5	Tuyến 5	Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 2	
6	Tuyến 6	Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 2	
7	Tuyến 7	Trụ sở Công ty - Phước Khánh - Trụ sở Công ty	24
		Trụ sở Công ty - Nhà Bè - Trụ sở Công ty	20
		Trụ sở Công ty - NAVIOIL - Trụ sở Công ty	16
		Trụ sở Công ty - Đèn Đỏ - Trụ sở Công ty	14
		Trụ sở Công ty - K16 LOTUS - Trụ sở Công ty	10
		Trụ sở Công ty - BASON - Trụ sở Công ty	6
		Trụ sở Công ty - Cát Lái - Trụ sở Công ty	20
		Trụ sở Công ty - VITAICO - Trụ sở Công ty	24
		Trụ sở Công ty - Viko Wochimex - Trụ sở Công ty	32
8	Tuyến 8	Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 7	
9	Tuyến 9	Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 7	
10	Tuyến 10	Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 2	
11	Tuyến 11	Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 2	

TT	Tuyến dẫn tàu	Tuyến đường hoạt động	Khoảng cách (hải lý)
12	Tuyến 12	Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 2	
13	Tuyến 13	Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 1	
14	Tuyến 13a	Trụ sở Công ty - Bến tàu khách - Trụ sở Công ty	6
15	Tuyến 13b	Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 2	
16	Tuyến 13c	Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 2	
17	Tuyến 13d	Cảng Mỹ Tho - Tàu được dẫn - Cảng Mỹ Tho Vĩnh Xương - Tàu được dẫn - Vĩnh Xương	1 1
18	Tuyến 13e	Cảng Vĩnh Tân - P/S Bình Thuận - Cảng Vĩnh Tân	14
19	Tuyến 13g	Cảng LPG Hòa Phú - P/S Bình Thuận - Cảng LPG Hòa Phú	6
20	Tuyến 13h	Biển Hồ Lân - P/S Bình Thuận - Biển Hồ Lân	10
21	Tuyến 44	Cảng Phú Quý - P/S Phú Quý - Cảng Phú Quý	10
22	Tuyến 14	Trạm Định An - P/S Định An - Trạm Định An Trạm ca nô Cần Thơ - Cụm Cảng Cần Thơ - Trạm ca nô Cần Thơ Trạm ca nô Cần Thơ - Cảng Cái Cui - Trạm ca nô Cần Thơ	34 8 18
23	Tuyến 15	Trạm Định An - P/S Định An - Trạm Định An	34
24	Tuyến 16	Như Tuyến 15	34
25	Tuyến 17	Cảng Năm Căn - P/S Bồ Đề - Cảng Năm Căn	50
26	Tuyến 18	Cảng Bình Trị - P/S Bình Trị - Cảng Bình Trị	20
27	Tuyến 98	Trạm ca nô Cần Thơ - Tàu được dẫn - Trạm ca nô Cần Thơ	4
28	Tuyến 98a	Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 15	34
29	Tuyến 98b	Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 98a	34
30	Tuyến 98c	Cảng Dương Đông - P/S Dương Đông - Cảng Dương Đông	8
31	Tuyến 98d	Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 98c	8
32	Tuyến 98e	Cảng An Thới - P/S An Thới - Cảng An Thới	8

TT	Tuyến dẫn tàu	Tuyến đường hoạt động	Khoảng cách (hải lý)
33	Tuyến 98g	Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 98e	8
34	Tuyến 98h	Trạm ca nô Cần Thơ - Tàu được dẫn - Trạm ca nô Cần Thơ	4
35	Tuyến 98i	Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 98h	4
36	Tuyến 98k	Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 98h	4
37	Tuyến 98l	Trạm Định An - P/S Quan Chánh Bố - Trạm Định An	40
38	Tuyến 19	Cầu Cảng Quy Nhơn - P/S Quy Nhơn - Cầu Cảng Quy Nhơn	10
39	Tuyến 20	Cảng dầu, khu neo đậu Cảng Quy Nhơn - P/S Quy Nhơn - Cảng dầu, khu neo đậu Cảng Quy Nhơn	10
40	Tuyến 21	Cảng dầu Vũng Rô - P/S Vũng Rô - Cảng dầu Vũng Rô	10
41	Tuyến 22	Bến ca nô - P/S Đà Diễn P/S Đà Diễn - Khu chuyển tải Đà Diễn Khu chuyển tải Đà Diễn - Bến ca nô	4 2 2
42	Tuyến 23	Bến ca nô - P/S Tiên Châu P/S Tiên Châu - Khu chuyển tải Tiên Châu Khu chuyển tải Tiên Châu - Bến ca nô	4 2 2
43	Tuyến 24	Bến ca nô - P/S Đề Gi P/S Đề Gi - Khu chuyển tải Đề Gi Khu chuyển tải Đề Gi - Bến ca nô	4 2 2
44	Tuyến 24a	Bến ca nô - P/S Bàn Thạch P/S Bàn Thạch - Khu chuyển tải Bàn Thạch Khu chuyển tải Bàn Thạch - Bến ca nô	5,5 2,5 3,5
45	Tuyến 25	Cầu Cảng Nha Trang - P/S Nha Trang - Cầu Cảng Nha Trang	10
46	Tuyến 26	Cầu Cảng HVS - P/S Vân Phong - Cầu Cảng HVS	16

TT	Tuyến dẫn tàu	Tuyến đường hoạt động	Khoảng cách (hải lý)
47	Tuyến 27	Cầu Cảng HVS - P/S Vân Phong P/S Vân Phong - Cảng chuyển tải dầu STS Cảng chuyển tải dầu STS - Cầu Cảng HVS	8 6 6
48	Tuyến 28	Cầu Cảng Đầm Môn - P/S Vân Phong - Cầu Cảng Đầm Môn	22
49	Tuyến 29	Cầu Cảng XM Nghi Sơn - P/S Vân Phong - Cầu Cảng XM Nghi Sơn	20
50	Tuyến 30	Cầu Cảng kho dầu ngoại quan Vân Phong - P/S Vân Phong - Cầu Cảng kho dầu ngoại quan Vân Phong	16
51	Tuyến 31	Cầu Cảng Cam Ranh - P/S Ba Ngòi - Cầu Cảng Cam Ranh	18
52	Tuyến 32	Cầu Cảng XM Hà Tiên - P/S Ba Ngòi - Cầu Cảng XM Hà Tiên	20
53	Tuyến 33	Cầu Cảng kho K720 - P/S Ba Ngòi - Cầu Cảng kho K720	20
54	Tuyến 34	Cầu Cảng Ninh Chữ - P/S Ninh Chữ P/S Ninh Chữ - Khu chuyển tải Ninh Chữ Khu chuyển tải Ninh Chữ - Cầu Cảng Ninh Chữ	5 3 3
55	Tuyến 34a	Cầu Cảng Hòn Khói - P/S Vân Phong - Cầu Cảng Hòn Khói	28
56	Tuyến 34b	Cầu Cảng Cà Ná - P/S Cà Ná - Cầu Cảng Cà Ná	6
57	Tuyến 34c	Cầu Cảng Nha Trang - Vị trí di chuyển - Cầu Cảng Nha Trang	6
58	Tuyến 34d	Cầu Cảng kho dầu ngoại quan Vân Phong - Vị trí di chuyển - Cầu Cảng kho dầu ngoại quan Vân Phong	8
59	Tuyến 34e	Cầu Cảng Cam Ranh - Vị trí di chuyển - Cầu Cảng Cam Ranh	8
60	Tuyến 34g	Cầu Cảng HVS - P/S Vân Phong - Cầu Cảng HVS Cầu Cảng cá Đại Lãnh - Khu chuyển tải cát Vân Phong, Hòn Gốm - Cầu Cảng cá Đại Lãnh	16 10
61	Tuyến 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 45, 46, 46a, 46b	Cảng PTSC - P/S 4 Vũng Tàu P/S 4 Vũng Tàu - Cảng PTSC FSO&FPSO - P/S Mỏ dầu - FSO&FPSO	13 13 10

TT	Tuyến dẫn tàu	Tuyến đường hoạt động	Khoảng cách (hải lý)
62	Tuyến 47	Đồ Sơn - P/S Hải Phòng - Đồ Sơn Bờ - Vị trí tập kết của phương tiện thủy tại Đồ Sơn - Bờ	27 0,5
63	Tuyến 48	Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 47	
64	Tuyến 49	Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 47 Cảng Hải Phòng - Khu vực neo Hạ Long - Cảng Hải Phòng	56
65	Tuyến 49a	Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 47 Cảng Hải Phòng - Khu vực neo Hạ Long - Cảng Hải Phòng	56
66	Tuyến 50	Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 47 Cảng Hải Phòng - Khu vực neo, buộc phao Bến Gót, Ninh Tiếp, Bạch Đằng - Cảng Hải Phòng	30
67	Tuyến 51	Cảng Hải Phòng - Khu vực neo, buộc phao Bến Gót, Ninh Tiếp, Bạch Đằng - Cảng Hải Phòng	30
68	Tuyến 52	Cảng Hải Phòng - Khu vực neo Hạ Long - Cảng Hải Phòng	56
69	Tuyến 52a	Cảng Hải Phòng - Khu vực neo Lan Hạ - Cảng Hải Phòng	56
70	Tuyến 53	Cảng Hải Phòng - Khu vực neo Hạ Long Khu vực neo Hạ Long - Khu vực neo Lan Hạ Khu vực neo Lan Hạ - Cảng Hải Phòng	28 8 28
71	Tuyến 54a	Cảng Diêm Điền - P/S Thái Bình - Cảng Diêm Điền	12
72	Tuyến 54b	Cảng Hải Thịnh - P/S Nam Định - Cảng Hải Thịnh	12
73	Tuyến 55	Các Công ty (Công ty đóng tàu Nam Triệu, đóng tàu Phà Rừng, xi măng Chinh Phong, Caltex) - Cảng Hải Phòng	13

TT	Tuyến dẫn tàu	Tuyến đường hoạt động	Khoảng cách (hải lý)
74	Tuyến 56	Cảng Hải Phòng - Khu vực neo Hạ Long Khu vực neo Hạ Long - Khu neo, buộc phao Bến Gót, Ninh Tiếp, Bạch Đằng Khu neo, buộc phao Bến Gót, Ninh Tiếp, Bạch Đằng - Cảng Hải Phòng	28 13 15
75	Tuyến 56a	Cảng Hải Phòng - Khu vực neo Lan Hạ Khu vực neo Lan Hạ - Khu neo, buộc phao Bến Gót, Ninh Tiếp, Bạch Đằng Khu neo, buộc phao Bến Gót, Ninh Tiếp, Bạch Đằng - Cảng Hải Phòng	28 13 15
76	Tuyến 57	Bến ca nô Hòn Gai - P/S Hòn Cam P/S Hòn Cam - Vùng neo Hạ Long Vùng neo Hạ Long - Bến ca nô Hòn Gai	18 10 8
77	Tuyến 58	Bến ca nô Hòn Gai - Vùng neo Hạ Long Vùng neo Hạ Long - Cảng B12 Cảng B12 - Bến ca nô Hòn Gai	8 7,5 0.5
78	Tuyến 59	Bến ca nô Hòn Gai - P/S Hòn Cam P/S Hòn Cam - Vùng neo Hòn Gai Vùng neo Hòn Gai - Bến ca nô Hòn Gai	18 18 3
79	Tuyến 60	Bến ca nô Hòn Gai - P/S Hòn Cam P/S Hòn Cam - Bến ca nô Hòn Gai	18 18
80	Tuyến 61	Bến ca nô Hòn Gai - P/S Hòn Cam P/S Hòn Cam - Cầu XM Thăng Long Cầu XM Thăng Long - Bến ca nô Hòn Gai	18 21 3
81	Tuyến 62	Bến ca nô Hòn Gai - P/S Hòn Cam P/S Hòn Cam - Cầu XM Hạ Long Cầu XM Hạ Long - Bến ca nô Hòn Gai	18 24 6
82	Tuyến 63	Bến ca nô Hòn Gai - Vùng neo Hòn Gai - Bến ca nô Hòn Gai Bến ca nô Hòn Gai - P/S Hòn Cam - Bến ca nô Hòn Gai	6 36
83	Tuyến 64 Tuyến 64*	Bến ca nô Hòn Gai - P/S Hòn Cam - Bến ca nô Hòn Gai Bến ca nô Vũng Đục - Cầu XM Cẩm Phả - Bến ca nô Vũng Đục Trạm Cửa Ông - P/S Hòn Cam P/S Hòn Cam - Cầu XM Cẩm Phả Cầu XM Cẩm Phả - Trạm Cửa Ông	36 4 27,5 26 7,5

TT	Tuyến dẫn tàu	Tuyến đường hoạt động	Khoảng cách (hải lý)
84	Tuyến 65 Tuyến 65*	Bến ca nô Hòn Gai - P/S Hòn Cam - Bến ca nô Hòn Gai Bến ca nô Vũng Đục - Vùng neo Abei - Bến ca nô Vũng Đục Trạm Cửa Ông - P/S Hòn Cam P/S Hòn Cam - Vùng neo Abei Vùng neo Abei - Trạm Cửa Ông	36 14 27,5 20 7.5
85	Tuyến 66	Bến ca nô Vạn Gia - Mũi Ngọc Mũi Ngọc - P/S Vạn Gia P/S Vạn Gia - Vùng neo Vạn Gia Vùng neo Vạn Gia - Mũi Ngọc Mũi Ngọc - Bến ca nô Vạn Gia	3 11 8 3 3
86	Tuyến 66a	Bến ca nô Vạn Gia - Mũi Ngọc Mũi Ngọc - Vùng neo Vạn Gia - Bến ca nô Vạn Gia	3 3
87	Tuyến 66b	Bến ca nô Hòn Gai - P/S Hòn Cam P/S Hòn Cam - Cảng dầu PV Oil Cảng dầu PV Oil - Bến ca nô Hòn Gai	18 23 5
88	Tuyến 67	Bến ca nô cầu 6 Cảng Sông Hàn - P/S Đà Nẵng P/S Đà Nẵng - Cảng Tiên Sa Cảng Tiên Sa - Bến ca nô cầu 6 Cảng Sông Hàn	7 5 2
89	Tuyến 68	Bến ca nô cầu 6 Cảng Sông Hàn - P/S Đà Nẵng P/S Đà Nẵng - Cảng X50 Cảng X50 - Bến ca nô cầu 6 Cảng Sông Hàn	7 6 4
90	Tuyến 69	Bến ca nô cầu 6 Cảng Sông Hàn - P/S Đà Nẵng - Bến ca nô cầu 6 Cảng Sông Hàn	14
91	Tuyến 71	Bến ca nô cầu 6 Cảng Sông Hàn - P/S Đà Nẵng P/S Đà Nẵng - Cảng Liên Chiểu Cảng Liên Chiểu - Bến ca nô cầu 6 Cảng Sông Hàn	7 5 10
92	Tuyến 72	Bến ca nô cầu 6 Cảng Sông Hàn - P/S Mỹ Khê P/S Mỹ Khê - Phao Mỹ Khê Phao Mỹ Khê - Bến ca nô Cầu 6 Cảng Sông Hàn	24 3 25

TT	Tuyến dẫn tàu	Tuyến đường hoạt động	Khoảng cách (hải lý)
93	Tuyến 73	Cảng Chân Mây - P/S Chân Mây - Cảng Chân Mây	10
94	Tuyến 74	Cảng Kỳ Hà - P/S Kỳ Hà - Cảng Kỳ Hà	10
95	Tuyến 75	Cảng Tổng hợp Dung Quất - P/S Dung Quất - Cụm Cảng Dung Quất	10
96	Tuyến 76	Cảng Tổng hợp Dung - P/S Dung Quất P/S Dung Quất - Phao SPM (Dung Quất) Phao SPM - Cảng Tổng hợp Dung Quất	5 10 15
97	Tuyến 77	Cảng Sa Kỳ - P/S Sa Kỳ - Cảng Sa Kỳ	6
98	Tuyến 78	Bờ Cửa Lở - P/S Cửa Lở P/S Cửa Lở - Khu chuyển tải Cửa Lở Khu chuyển tải Cửa Lở - Bờ Cửa Lở	3 3 3
99	Tuyến 79a, Tuyến 79b	Tương ứng với các tuyến dẫn tàu thuộc trách nhiệm của đơn vị	Tùy từng tuyến
100	Tuyến 80	Cảng chuyên dùng nhà máy XM Nghi Sơn - P/S Nghi Sơn - Cảng chuyên dùng nhà máy XM Nghi Sơn	12
101	Tuyến 81	Cảng tổng hợp Nghi Sơn - P/S Nghi Sơn - Cảng tổng hợp Nghi Sơn	12
102	Tuyến 82	Cảng Cửa Lò - P/S Cửa Lò - Cảng Cửa Lò	12
103	Tuyến 83	Cảng Vũng Áng - P/S Vũng Áng - Cảng Vũng Áng	10
104	Tuyến 84	Cảng Hòn La - P/S Hòn La - Cảng Hòn La	8
105	Tuyến 84a	Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 81	12
106	Tuyến 84b	Cảng Sơn Dương - P/S Sơn Dương - Cảng Sơn Dương	18
107	Tuyến 84c	Cảng Cửa Việt - P/S Cửa Việt - Cảng Cửa Việt	8
108	Tuyến 85	Trạm Cửa Ông - P/S Hòn Cam P/S Hòn Cam - Khu chuyển tải Hòn Nét Khu chuyển tải Hòn Nét - Trạm Cửa Ông	27,5 17 10,5

TT	Tuyến dẫn tàu	Tuyến đường hoạt động	Khoảng cách (hải lý)
109	Tuyến 86	Trạm Cửa Ông - P/S Hòn Cam P/S Hòn Cam - Cầu Cảng Cẩm Phả Cầu Cảng Cẩm Phả - Trạm Cửa Ông	27,5 26 1.5
110	Tuyến 87	Trạm Cửa Ông - P/S Hòn Cam P/S Hòn Cam - Vùng neo Hòn Ót Vùng neo Hòn Ót - Trạm Cửa Ông	27,5 26 12,5
111	Tuyến 89	Trạm Cửa Ông - Khu chuyển tải Hòn Nét Khu chuyển tải Hòn Nét - Cầu Cảng Cẩm Phả Cầu Cảng Cẩm Phả - Trạm Cửa Ông	10,5 9 1,5
112	Tuyến 90	Trạm Cửa Ông - Vùng neo Abei Vùng neo Abei - Cầu cảng Cẩm Phả Cầu cảng Cẩm Phả - Trạm Cửa Ông	7,5 6 1,5
113	Tuyến 91	Trạm Cửa Ông - Khu neo Hòn Ót Khu neo Hòn Ót - Cầu XM Cẩm Phả Cầu XM Cẩm Phả - Trạm Cửa Ông	12,5 5 7,5
114	Tuyến 92	Cầu Đá - P/S 1+2 Vũng Tàu - Cầu Đá Cầu Đá - P/S 3 Vũng Tàu - Cầu Đá Cảng Cát Lái - Mũi Đèn Đỏ - Cảng Cát Lái	5 12 6
115	Tuyến 93	Cầu Đá - P/S 1+2 Vũng Tàu - Cầu Đá Cầu Đá - P/S 3 Vũng Tàu - Cầu Đá Cảng Tân Cảng Cái Mép Thượng - Cửa sông Cái Mép - Cảng Tân Cảng Cái Mép Thượng	5 12 10
116	Tuyến 94	Cảng Tân Cảng Cái Mép Thượng - Cửa sông Cái Mép - Cảng Tân Cảng Cái Mép Thượng Cảng Cát Lái - Mũi Đèn Đỏ - Cảng Cát Lái	10 6
117	Tuyến 95	Cảng Cát Lái - Mũi Đèn Đỏ - Cảng Cát Lái	6
118	Tuyến 96	Cảng Tân Cảng Cái Mép Thượng - Bến Cảng khác - Cảng Tân Cảng Cái Mép Thượng	6
119	Tuyến 96a	Cầu Đá - P/S 1+2 Vũng Tàu - Cầu Đá Cầu Đá - P/S 3 Vũng Tàu - Cầu Đá Cảng Tân Cảng Cái Mép Thượng - Cửa sông Cái Mép - Cảng Tân Cảng Cái Mép Thượng	5 12 10

TT	Tuyến dẫn tàu	Tuyến đường hoạt động	Khoảng cách (hải lý)
120	Tuyến 96b	Cảng Tân Cảng Cái Mép Thượng - Cửa sông Cái Mép - Cảng Tân Cảng Cái Mép Thượng Cảng Cát Lái - Mũi Đèn Đỏ - Cảng Cát Lái	10 6
121	Tuyến 96c	Cầu Đá - P/S 1+2 Vũng Tàu - Cầu Đá Cầu Đá - P/S 3 Vũng Tàu - Cầu Đá Cảng Cát Lái - Mũi Đèn Đỏ - Cảng Cát Lái	5 12 6
122	Tuyến 99	Cầu Đá - P/S 1+2 Vũng Tàu - Cầu Đá Cầu Đá - P/S 3 Vũng Tàu - Cầu Đá Cầu Đá - Gành Rái - Cầu Đá P/S 3 Vũng Tàu - Gành Rái P/S 1+2 Vũng Tàu - P/S 3 Vũng Tàu	5 12 12 9,5 4
123	Tuyến 100	Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 99	
124	Tuyến 101	Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 99	
125	Tuyến 103	Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 99	
126	Tuyến 104	Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 99	
127	Tuyến 105	Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 99	
128	Tuyến 106	Tuyến đường và khoảng cách hoạt động như Tuyến 99	
129	Tuyến 107	Cầu Đá - P/S 1+2 - Cầu Đá Cầu Đá - Gành Rái - Cầu Đá Cầu Đá - Gò Da - Cầu Đá P/S 3 Vũng Tàu - Gành Rái P/S 1+2 Vũng Tàu - P/S 3 Vũng Tàu	5 12 44 9,5 4
130	Tuyến 109	Cảng Bến đầm Côn Đảo - P/S Côn Đảo - Cảng Bến đầm Côn Đảo P/S 1+2 Vũng Tàu - P/S 3 Vũng Tàu	6 4
131	Tuyến 110	Cầu Đá - P/S 1+2 Vũng Tàu - Cầu Đá Cầu Đá - P/S 3 Vũng Tàu - Cầu Đá Cầu Đá - Gành Rái - Cầu Đá P/S 3 Vũng Tàu - Gành Rái Trạm hoa tiêu Vĩnh Xương - Khu neo - Trạm hoa tiêu Vĩnh Xương P/S 1+2 Vũng Tàu - P/S 3 Vũng Tàu	5 12 12 9,5 2 4

Bảng 3. Khoảng cách hoạt động của phương tiện bộ cho từng tuyến dẫn tàu

TT	Tuyến dẫn tàu	Tuyến đường hoạt động của phương tiện bộ	Khoảng cách (km)
1	Tuyến 1	Sài Gòn - Vũng Tàu - Sài Gòn	250
2	Tuyến 2	Như Tuyến 1 Sài Gòn - Đồng Nai - Sài Gòn	250 70
3	Tuyến 3	Như Tuyến 1	250
4	Tuyến 4	Như Tuyến 1 Sài Gòn - Long An - Sài Gòn	250 70
5	Tuyến 5	Như Tuyến 1 Sài Gòn - Đồng Tháp - Sài Gòn	250 370
6	Tuyến 6	Như Tuyến 1	250
7	Tuyến 7	Sài Gòn - Đồng Nai - Sài Gòn	70
8	Tuyến 8	Sài Gòn - Đồng Tháp - Sài Gòn	370
9	Tuyến 9	Sài Gòn - Long An - Sài Gòn	70
10	Tuyến 10	Như Tuyến 1 Sài Gòn - Bến Lức - Sài Gòn	250 70
11	Tuyến 11	Như Tuyến 1	250
12	Tuyến 12	Như Tuyến 1	250
13	Tuyến 13	Tùy theo từng tuyến	10
14	Tuyến 13a	Sài Gòn - Sa Đéc - Sài Gòn	300
15	Tuyến 13b	Như Tuyến 1	250
16	Tuyến 13c	Như Tuyến 1 Sài Gòn - Mỹ Tho - Sài Gòn	250 150
17	Tuyến 13d	Sài Gòn - Mỹ Tho Mỹ Tho - Vĩnh Xương Vĩnh Xương - Sài Gòn	75 235 310
18	Tuyến 13e	Sài Gòn - Cảng Vĩnh Tân - Sài Gòn	700
19	Tuyến 13g	Sài Gòn - Cảng LPG Hòa Phú - Sài Gòn	580
20	Tuyến 13h	Sài Gòn - Khu chuyển tải Biển Hồ Lân - Sài Gòn	350
21	Tuyến 44	Sài Gòn - Bến tàu khách Phan Thiết - Sài Gòn	420
22	Tuyến 14	Trụ sở Công ty - Trạm Định An - Trụ sở Công ty	240

TT	Tuyến dẫn tàu	Tuyến đường hoạt động của phương tiện bộ	Khoảng cách (km)
23	Tuyến 15	Như Tuyến 14 Trụ sở Công ty - Cảng Mỹ Thới - Trụ sở Công ty	240 120
24	Tuyến 16	Như Tuyến 14 Trụ sở Công ty - Cảng Trần Quốc Toản - Trụ sở Công ty	240 240
25	Tuyến 17	Trụ sở Công ty - Cảng Năm Căn - Trụ sở Công ty	460
26	Tuyến 18	Trạm Hoa tiêu Hòn Chông - Cảng Bình Trị - Trạm Hoa tiêu Hòn Chông	20
27	Tuyến 97	Trụ sở Công ty - Cảng Cái Cui - Trụ sở Công ty	30
28	Tuyến 98a	Như Tuyến 14 Trụ sở Công ty - Vĩnh Xương - Trụ sở Công ty	240 300
29	Tuyến 98b	Như Tuyến 14	240
30	Tuyến 98c	Trụ sở Công ty - Rạch Giá - Trụ sở Công ty	240
31	Tuyến 98d	Như Tuyến 98c	
32	Tuyến 98e	Như Tuyến 98c	
33	Tuyến 98g	Như Tuyến 98c	
34	Tuyến 98h	Trụ sở Công ty - Cảng Trần Quốc Toản - Trụ sở Công ty	240
35	Tuyến 98i	Trụ sở Công ty - Vĩnh Xương - Trụ sở Công ty	300
36	Tuyến 98k	Trụ sở Công ty - Mỹ Thới - Trụ sở Công ty	120
37	Tuyến 98l	Trụ sở Công ty - Trạm Định An Trạm Định An - Nhà máy nhiệt điện - Trụ sở Công ty	120 160
38	Tuyến 19	Trụ sở Công ty - Bến ca nô - Trụ sở Công ty	4
39	Tuyến 20	Như Tuyến 19	
40	Tuyến 21	Trụ sở Công ty - Cảng Vũng Rô - Trụ sở Công ty	336
41	Tuyến 22	Trụ sở Công ty - Bến ca nô Đà Diễn - Trụ sở Công ty	250
42	Tuyến 23	Trụ sở Công ty - Bến ca nô Tiên Châu - Trụ sở Công ty	200
43	Tuyến 24	Trụ sở Công ty - Bến ca nô Đề Gi - Trụ sở Công ty	170

TT	Tuyến dẫn tàu	Tuyến đường hoạt động của phương tiện bộ	Khoảng cách (km)
44	Tuyến 24a	Trụ sở Công ty - Bến ca nô Bàn Thạch - Trụ sở Công ty	300
45	Tuyến 25	Trụ sở Công ty - Cầu Cảng Nha Trang - Trụ sở Công ty	14
46	Tuyến 26	Trụ sở Công ty - Cảng HVS - Trụ sở Công ty	160
47	Tuyến 27	Như Tuyến 26	
48	Tuyến 28	Trụ sở Công ty - Cảng Đầm Môn - Trụ sở Công ty	250
49	Tuyến 29	Trụ sở Công ty - Cảng XM Nghi Sơn - Trụ sở Công ty	156
50	Tuyến 30	Trụ sở Công ty - Kho dầu ngoại quan Vân Phong - Trụ sở Công ty	164
51	Tuyến 31	Trụ sở Công ty - Cảng Cam Ranh - Trụ sở Công ty	130
52	Tuyến 32	Trụ sở Công ty - Cảng XM Hà Tiên - Trụ sở Công ty	160
53	Tuyến 33	Trụ sở Công ty - Cảng K720 - Trụ sở Công ty	160
54	Tuyến 34	Trụ sở Công ty - Cầu Cảng Ninh Chữ - Trụ sở Công ty	230
55	Tuyến 34a	Trụ sở Công ty - Cầu Cảng Hòn Khói - Trụ sở Công ty	160
56	Tuyến 34b	Trụ sở Công ty - Cầu Cảng Cà Ná - Trụ sở Công ty	330
57	Tuyến 34c	Như Tuyến 25	
58	Tuyến 34d	Như Tuyến 30	
59	Tuyến 34e	Như Tuyến 31	
60	Tuyến 34g	Trụ sở Công ty - Cảng HVS Cảng HVS - Cảng Cá Đại Lãnh Cảng Cá Đại Lãnh - Trụ sở Công ty	80 60 110
61	Tuyến 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 45, 46, 46a, 46b	Trụ sở Công ty - Sân bay Vũng Tàu - Trụ sở Công ty Trụ sở Công ty - Cảng PTSC - Trụ sở Công ty	16 22

TT	Tuyến dẫn tàu	Tuyến đường hoạt động của phương tiện bộ	Khoảng cách (km)
62	Tuyến 47	Hải Phòng - Đồ Sơn - Hải Phòng Nội thành Hải Phòng	50 20
63	Tuyến 48	Hải Phòng - Đồ Sơn - Hải Phòng Hải Phòng - Phà Rừng - Hải Phòng	50 60
64	Tuyến 49	Như Tuyến 47	
65	Tuyến 49a	Như Tuyến 47	
66	Tuyến 50	Nội thành Hải Phòng	20
67	Tuyến 51	Như tuyến 50	20
68	Tuyến 52, 52a, 53, 54, 56, 56a	Như tuyến 50	20
69	Tuyến 54a	Hải Phòng - Diêm Điền - Hải Phòng	150
70	Tuyến 54b	Hải Phòng - Hải Thịnh - Hải Phòng	300
71	Tuyến 55	Nội thành Hải Phòng Hải Phòng - Phà Rừng - Hải Phòng	20 60
72	Tuyến 57	Trụ sở Công ty - Bến ca nô Hòn Gai - Trụ sở Công ty	4
73	Tuyến 58	Như Tuyến 57	4
74	Tuyến 59	Như Tuyến 57	4
75	Tuyến 60	Trụ sở Công ty - Bến ca nô Hòn Gai - Trụ sở Công ty Trụ sở Công ty - Cảng Cái Lân và - Trụ sở Công ty	4 30
76	Tuyến 61	Như Tuyến 57	4
77	Tuyến 62	Như Tuyến 57	4
78	Tuyến 63	Trụ sở Công ty - Nhà máy đóng tàu Hạ Long, TKV - Trụ sở Công ty Trụ sở Công ty - Bến ca nô Hòn Gai - Trụ sở Công ty	76 4
79	Tuyến 64 Tuyến 64*	Trụ sở Công ty - Bến ca nô Hòn Gai - Trụ sở Công ty Trụ sở Công ty - Bến ca nô Vũng Đục - Trụ sở Công ty Trụ sở Công ty - Bến ca nô Trạm Cửa Ông - Trụ sở Công ty	4 80 100

TT	Tuyến dẫn tàu	Tuyến đường hoạt động của phương tiện bộ	Khoảng cách (km)
80	Tuyến 65 Tuyến 65*	Trụ sở Công ty - Bến ca nô Hòn Gai - Trụ sở Công ty Trụ sở Công ty - Bến ca nô Vũng Đục - Trụ sở Công ty Trụ sở Công ty - Bến ca nô Trạm Cửa Ông - Trụ sở Công ty	4 80 100
81	Tuyến 66	Trụ sở Công ty - Mũi Ngọc (Móng Cái) - Trụ sở Công ty	450
82	Tuyến 66a	Trụ sở Công ty - Mũi Ngọc (Móng Cái) - Trụ sở Công ty Trụ sở Công ty - Bến ca nô Hòn Gai - Trụ sở Công ty	450 4
83	Tuyến 66b	Như Tuyến 57	4
84	Tuyến 67	Trụ sở Công ty - Cảng Tiên Sa - Trụ sở Công ty	30
85	Tuyến 68	Trụ sở Công ty - Cảng X50 - Trụ sở Công ty	24
86	Tuyến 69	Trụ sở Công ty - Cảng Sông Hàn - Trụ sở Công ty	01
87	Tuyến 71	Trụ sở Công ty - Cảng Liên Chiểu - Trụ sở Công ty	50
88	Tuyến 72	Trụ sở Công ty - Mỹ Khê - Trụ sở Công ty	16
89	Tuyến 73	Trụ sở Công ty - Cảng Chân Mây - Trụ sở Công ty	160
90	Tuyến 74	Trụ sở Công ty - Cảng Kỳ Hà - Trụ sở Công ty	220
		Trạm Hoa tiêu Dung Quất - Cảng Kỳ Hà - Trạm Hoa tiêu Dung Quất	60
91	Tuyến 75	Trụ sở Công ty - Trạm Hoa tiêu Dung Quất - Trụ sở Công ty Trạm Dung Quất - Cảng Tổng hợp Dung Quất - Trạm Hoa tiêu Dung Quất	270 6
92	Tuyến 76	Trụ sở Công ty - Cảng Tổng hợp Dung Quất - Trụ sở Công ty	270
93	Tuyến 77	Trụ sở Công ty - Cảng Sa Kỳ - Trụ sở Công ty Trạm Hoa tiêu Dung Quất - Cảng Sa Kỳ - Trạm Hoa tiêu Dung Quất	360 120

TT	Tuyến dẫn tàu	Tuyến đường hoạt động của phương tiện bộ	Khoảng cách (km)
94	Tuyến 78	Trụ sở Công ty - Cửa Lở - Trụ sở Công ty Trạm Hoa tiêu Dung Quất - Cửa Lở - Trạm Hoa tiêu Dung Quất	360 120
95	Tuyến 79a, Tuyến 79b	Tùy theo tuyến	
96	Tuyến 80	Trụ sở Công ty - Trạm Hoa tiêu Thanh Hóa - Trụ sở Công ty Trạm Hoa tiêu Thanh Hóa - Cảng chuyên dùng nhà máy XM Nghi Sơn - Trạm Hoa tiêu Thanh Hóa	220 20
97	Tuyến 81	Trụ sở Công ty - Trạm Hoa tiêu Thanh Hóa - Trụ sở Công ty Trạm Hoa tiêu Thanh Hóa - Cảng Tổng hợp Nghi Sơn - Trạm Hoa tiêu Thanh Hóa	220 20
98	Tuyến 82	Trụ sở Công ty - Cảng Cửa Lò - Trụ sở Công ty	50
99	Tuyến 83	Trụ sở Công ty - Cảng Vũng Áng - Trụ sở Công ty	260
100	Tuyến 84	Trụ sở Công ty - Cảng Hòn La - Trụ sở Công ty	300
101	Tuyến 84a	Trụ sở Công ty - Trạm Hoa tiêu Thanh Hóa - Trụ sở Công ty Trạm Hoa tiêu Thanh Hóa - Cảng nhiệt điện Nghi Sơn - Trạm Hoa tiêu Thanh Hóa	220 20
102	Tuyến 84b	Trụ sở Công ty - Cảng Sơn Dương - Trụ sở Công ty	280
103	Tuyến 84c	Trụ sở Công ty - Cảng Cửa Việt - Trụ sở Công ty	640
104	Tuyến 85	Trụ sở Công ty - Bến ca nô Trạm Cửa Ông - Trụ sở Công ty	100
105	Tuyến 86	Như Tuyến 85	100
106	Tuyến 87	Như Tuyến 85	100
107	Tuyến 89	Như Tuyến 85	100
108	Tuyến 90	Như Tuyến 85	100
109	Tuyến 91	Như Tuyến 85	100
110	Tuyến 92	Sài Gòn - Vũng Tàu - Sài Gòn	250
111	Tuyến 93	Như Tuyến 92	250
112	Tuyến 94	Sài Gòn - Cái Mép - Sài Gòn	180
113	Tuyến 95	Sài Gòn - Cát Lái - Sài Gòn	30
114	Tuyến 96	Như Tuyến 94	180

TT	Tuyến dẫn tàu	Tuyến đường hoạt động của phương tiện bộ	Khoảng cách (km)
115	Tuyến 96a	Như Tuyến 92	250
116	Tuyến 96b	Như Tuyến 94	180
117	Tuyến 96c	Như Tuyến 92	250
118	Tuyến 99	Trụ sở Công ty - Vietsopetro, PTSC - Trụ sở Công ty	18
119	Tuyến 100	Trụ sở Công ty - Cụm Cảng: Cát Lở, Đông Xuyên, Shipyard, Hà Lộc - Trụ sở Công ty	34
120	Tuyến 101	Trụ sở Công ty - Cầu đá - Trụ sở Công ty	02
121	Tuyến 102	Trụ sở Công ty - Các cảng luồng Sông Dinh - Trụ sở Công ty	34
122	Tuyến 103	Trụ sở Công ty - Cụm Cảng: Vedan..., Gò Dầu B - Trụ sở Công ty	120
123	Tuyến 104	Trụ sở Công ty - Cụm Cảng: NM nhiệt điện Phú Mỹ..., SP-PSA - Trụ sở Công ty	110
124	Tuyến 105	Trụ sở Công ty - Cụm Cảng: Posco..., Petec - Trụ sở Công ty	106
125	Tuyến 106	Trụ sở Công ty - Cụm Cảng: Xăng dầu..., SSIT - Trụ sở Công ty	100
126	Tuyến 107	Trụ sở Công ty - Gò Da - Trụ sở Công ty	106
127	Tuyến 108	Trụ sở Công ty - Các cảng luồng Cái Mép - Thị Vải - Trụ sở Công ty	120
128	Tuyến 109	Trụ sở Công ty - Sân bay Tân Sơn Nhất - Trụ sở Công ty Đại diện tại Côn Đảo - Sân bay Côn Đảo Sân bay Côn Đảo - Cảng Bến Đầm Cảng Bến Đầm - Đại diện tại Côn Đảo Đại diện tại Côn Đảo - Sân bay Côn Đảo - Đại diện tại Côn Đảo	250 16 30 14 32
129	Tuyến 110	Trụ sở Công ty - Cửa khẩu Vĩnh Xương (An Giang) - Trụ sở Công ty	680
130	Tuyến dẫn tàu (T99, T100, T103, T104, T105, T106, T110)	Trụ sở Công ty - Cảng Cầu Đá - Trụ sở Công ty	2

Bảng 4. Định mức tiêu hao nhiên liệu, dầu bôi trơn của phương tiện thủy đưa, đón hoa tiêu

STT	Tên máy - Chế độ khai thác máy	Loại nhiên liệu	Công suất danh định/ vòng quay (HP/rpm)	Suất tiêu hao nhiên liệu (g_{tt} = g/hp.h) (*)	Mức công suất khai thác (% Ne)	Định mức dầu bôi trơn (% N.liệu)
	TÀU					
Tên phương tiện	**Công ty I**					
Hải Long	Máy chính SCANIA DSI-1174-M	Diesel	2 x 500/2100	152		2,0
	Làm manơ rời, cập cầu				30	
	Hành trình đưa, đón Hoa tiêu				85	
	Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu				40	
	Làm manơ rời, cập tàu dẫn				50	
	Máy phát điện ONAN-2.0MDKAD	Diesel	31/1800	196	85	2,0
Ngân Long	Máy chính Yanmar 6HA-HTE3	Diesel	2 x 320/2170	172		2,0
	Làm manơ rời, cập cầu				30	
	Hành trình đưa, đón Hoa tiêu				85	
	Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu				40	
	Làm manơ rời, cập tàu dẫn				50	
	Yanmar-YTB5.OT (dự phòng)		4 kw			
	2. ONA -12.0MDKAD		31/1800	196	85	2,0

STT	Tên máy - Chế độ khai thác máy	Loại nhiên liệu	Công suất danh định/ vòng quay (HP/rpm)	Suất tiêu hao nhiên liệu (g_{tt} = g/hp.h) (*)	Mức công suất khai thác (% Ne)	Định mức dầu bôi trơn (% N.liệu)
Huỳnh Long, Kim Long	Máy chính CATERPILLA-3406C.4 kỳ	Diesel	2 x 400/1800	152		2,0
	Làm manơ rời, cập cầu				30	
	Hành trình đưa, đón Hoa tiêu				85	
	Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu				40	
	Làm manơ rời, cập tàu dẫn				50	
	Máy phát điện ONAN-13.5MDKAD		31/1800	196	85	2,0
	Công ty II					
Hồng Long I, II	Máy chính: YANMAR - 6HADTE3	Diesel	2 x 320/2100	163		2,0
	Làm manơ rời, cập cầu				30	
	Hành trình đưa, đón Hoa tiêu				85	
	Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu				40	
	Làm manơ rời, cập tàu dẫn				50	
	Máy phát điện YANMAR-4TNE84-B1	Diesel	20/1500	180	85	2,0
	Máy phát điện YANMAR-TF 90M	Diesel	9,5/2400	253	85	2,0
Rạng Đông 1	Máy chính: YANMAR-6HA2M-WTH	Diesel	2 x 350/1950	163		2,0
	Làm manơ rời, cập cầu				30	
	Hành trình đưa, đón Hoa tiêu				85	

STT	Tên máy - Chế độ khai thác máy	Loại nhiên liệu	Công suất danh định/ vòng quay (HP/rpm)	Suất tiêu hao nhiên liệu (g_{tt} = g/hp.h) (*)	Mức công suất khai thác (% Ne)	Định mức dầu bôi trơn (% N.liệu)
	Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu				40	
	Làm manơ rời, cập tàu dẫn				50	
	Máy phát điện YANMAR-3TNV82-GGE, dự phòng	Diesel	13,6	162	85	2,0
	Máy phát điện YANMAR-4TNV88-GGE, chính	Diesel	18	162	85	2,0
	Công ty III					
HC 08	Máy chính YUCHAI: YC 6T350C	Diesel	2 x 350/1500	160		2,0
	Làm manơ rời, cập cầu				30	
	Hành trình đưa, đón Hoa tiêu				85	
	Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu				40	
	Làm manơ rời, cập tàu dẫn				50	
	WP 2.1 C27E1 (Máy phát điện dự phòng)		26,6	167	85	2,0
Thiên Phúc	Máy chính: YANMAR-6HADTE3	Diesel	2 x 320/2100	163		2,0
	Làm manơ rời, cập cầu				30	
	Hành trình đưa, đón Hoa tiêu				85	
	Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu				40	
	Làm manơ rời, cập tàu dẫn				50	

STT	Tên máy - Chế độ khai thác máy	Loại nhiên liệu	Công suất danh định/ vòng quay (HP/rpm)	Suất tiêu hao nhiên liệu (g_{tt} = g/hp.h) (*)	Mức công suất khai thác (% Ne)	Định mức dầu bôi trơn (% N.liệu)
HT 05	WD615, 61C-15A	Diesel	150/1500	160		2,0
	Làm manơ rời, cập cầu				30	
	Hành trình đưa, đón Hoa tiêu				85	
	Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu				40	
	Làm manơ rời, cập tàu dẫn				50	
Thiên An, Thiên Bình	Máy chính 8NVD36-1U	Diesel	305/375	160		2,0
	Làm manơ rời, cập cầu				30	
	Hành trình đưa, đón Hoa tiêu				85	
	Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu				40	
	Làm manơ rời, cập tàu				50	
	Máy phát điện: DEUTZ 0266B-3C	Diesel	40 kW	150	85	2,0
	Công ty IV					
Pilot 1	Máy chính: Yanmar 6CH-UTE3	Diesel	255/2500	163,0		2,0
	Làm manơ rời, cập cầu				30	
	Hành trình đưa, đón Hoa tiêu				85	
	Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu				40	
	Làm manơ rời, cập tàu				50	
	Máy phát điện: VIKYNO RV 125-2	Diesel	12,5	185,0	85	2,0

STT	Tên máy - Chế độ khai thác máy	Loại nhiên liệu	Công suất danh định/ vòng quay (HP/rpm)	Suất tiêu hao nhiên liệu (g_{tt} = g/hp.h) (*)	Mức công suất khai thác (% Ne)	Định mức dầu bôi trơn (% N.liệu)
Pilot 9	Máy chính Caterpillar-C9	Diesel	2 x 410/2100	160,0		2,0
	Làm manơ rời, cập cầu				30	
	Hành trình đưa, đón Hoa tiêu				85	
	Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu				40	
	Làm manơ rời, cập tàu				50	
	Máy phát điện chính: Caterpillar 422GM-Perkin	Diesel	30,0	265,0	85	
	Máy phát điện dự phòng: Yanmar TF160	Diesel	40,0	199,0	85	2,0
	Công ty V					
Minh Long	Máy chính: ISUZU-V10	Diesel	450	170		2,0
	Làm manơ rời, cập cầu				30	
	Hành trình đưa, đón Hoa tiêu				85	
	Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu				40	
	Làm manơ rời, cập tàu				50	
	Máy phát điện chính	Xăng	9,5	299	85	

STT	Tên máy - Chế độ khai thác máy	Loại nhiên liệu	Công suất danh định/ vòng quay (HP/rpm)	Suất tiêu hao nhiên liệu (g_{tt} = g/hp.h) (*)	Mức công suất khai thác (% Ne)	Định mức dầu bôi trơn (% N.liệu)
Hoàng Long	Máy chính: CUMMINS	Diesel	250	152		2,0
	Làm manơ rời, cập cầu				30	
	Hành trình đưa, đón Hoa tiêu				85	
	Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu				40	
	Làm manơ rời, cập tàu				50	
Sông Hậu II	Máy chính: HINO	Diesel	135	157		2,0
	Làm manơ rời, cập cầu				30	
	Hành trình đưa, đón Hoa tiêu				85	
	Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu				40	
	Làm manơ rời, cập tàu				50	
	Công ty VI					
Hoa tiêu 01	Máy chính: YANMAR, 6TY120	Diesel	2 x 115/2500	164		2,0
	Làm manơ rời, cập cầu				30	
	Hành trình đưa, đón Hoa tiêu				85	
	Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu				40	
	Làm manơ rời, cập tàu dẫn				50	
	Máy phát điện: Hữu Toàn, YMG32TLM	Diesel	26/1500	106	85	2,0

STT	Tên máy - Chế độ khai thác máy	Loại nhiên liệu	Công suất danh định/ vòng quay (HP/rpm)	Suất tiêu hao nhiên liệu (g_{tt} = g/hp.h) (*)	Mức công suất khai thác (% Ne)	Định mức dầu bôi trơn (% N.liệu)
	Công ty VINACOMIN					
TKV 01	Máy chính 8NVD36-1U	Diesel	305/1000	160		2,0
	Làm manơ rời, cập cầu				30	
	Hành trình đưa, đón Hoa tiêu				85	
	Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu				40	
	Làm manơ rời, cập tàu				50	
	Máy phát điện: DEUTZ 0226B-3C	Diesel	40 kW	150	85	2,0
TKV 03	Máy chính 8NVD36-1U	Diesel	300/1800	160		2,0
	Làm manơ rời, cập cầu				30	
	Hành trình đưa, đón Hoa tiêu				85	
	Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu				40	
	Làm manơ rời, cập tàu				50	
	Máy phát điện: DEUTZ 0226B-3C	Diesel	40 kW	150	85	2,0
	CÔNG TY VUNGTAUSHIP					
Sevice 06	Máy chính ISB 6.7	Diesel	255/2000	155		
	Làm manơ rời cập cầu				30	
	Hành trình đưa, đón hoa tiêu				85	
	Nổ máy chờ đưa, đón hoa tiêu				40	
	Làm manơ rời, cập tàu				50	

STT	Tên máy - Chế độ khai thác máy	Loại nhiên liệu	Công suất danh định/ vòng quay (HP/rpm)	Suất tiêu hao nhiên liệu (g_{tt} = g/hp.h) (*)	Mức công suất khai thác (% Ne)	Định mức dầu bôi trơn (% N.liệu)
Sevice 07	Máy chính 6CTA 8.3M188 Cummins	Diesel	188/2000	170		2,0
	Làm manơ rời, cập cầu				30	
	Hành trình đưa, đón hoa tiêu				85	
	Nổ máy chờ đưa, đón hoa tiêu				40	
	Làm manơ rời, cập tàu				50	
Vungtau 2006	Máy chính Cummin NT885-M	Diesel	240/1800	180		2,0
	Làm manơ rời, cập cầu				30	
	Hành trình đưa, đón Hoa tiêu				85	
	Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu				40	
	Làm manơ rời, cập tàu				50	
	Máy phát điện D15				85	
Vungtau 2011	Máy chính Caterpilla-C7	Diesel	2 x 315/2200	172		2,0
	Làm manơ rời, cập cầu				30	
	Hành trình đưa, đón hoa tiêu				85	
	Nổ máy chờ đưa, đón hoa tiêu				40	
	Làm manơ rời, cập tàu				50	
	Máy phát điện Mitsubishi 13.5 KVA	Diesel	31		85	2,0

STT	Tên máy - Chế độ khai thác máy	Loại nhiên liệu	Công suất danh định/ vòng quay (HP/rpm)	Suất tiêu hao nhiên liệu (g_{tt} = g/hp.h) (*)	Mức công suất khai thác (% Ne)	Định mức dầu bôi trơn (% N.liệu)
	Công ty Tân cảng					
Tàu TC-01; TC-P2	Máy chính JORDIN	Diesel	2 x 300/2200	152		2,0
	- Làm manơ rời, cập cầu				30	
	- Hành trình đưa, đón Hoa tiêu				85	
	- Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu				40	
	- Làm manơ rời, cập tàu				50	
	Máy phát điện	Diesel	18	196	85	2,0
Tàu TC-P3	Máy chính YAMAHA	Diesel	2 x 400/2200	152		2,0
	- Làm manơ rời, cập cầu				30	
	- Hành trình đưa, đón Hoa tiêu				85	
	- Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu				40	
	- Làm manơ rời, cập tàu				50	
	Máy phát điện	Diesel	17,5HP	196	85	2,0
CA NÔ						
	Công ty I					
Việt Long 1;	Máy chính YAMAHA-200AETL 2 kỳ	Xăng	200/5000	296		2,0
	Làm manơ rời, cập cầu				30	

STT	Tên máy - Chế độ khai thác máy	Loại nhiên liệu	Công suất danh định/ vòng quay (HP/rpm)	Suất tiêu hao nhiên liệu (g_{tt} = g/hp.h) (*)	Mức công suất khai thác (% Ne)	Định mức dầu bôi trơn (% N.liệu)
Hoàng Long 1, Nam Long 1, Thanh Long 1, Minh Long; Minh Long 1	Hành trình đưa, đón Hoa tiêu				85	
	Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu				40	
	Làm manơ rời, cập tàu				50	
	Công ty II					
PB 10	Máy chính: YAMAHA 421STIP2	Diesel	245/3800	180		2,0
	Làm manơ rời, cập cầu				30	
	Hành trình đưa, đón Hoa tiêu				85	
	Làm manơ rời, cập tàu dẫn				40	
P8	Máy chính: CUMMIN 6BTA 5,9 - M	Diesel	225/2500	180		2,0
	Manơ rời, cập cầu				30	
	Hành trình đưa, đón Hoa tiêu				85	
	Manơ rời, cập tàu				40	

STT	Tên máy - Chế độ khai thác máy	Loại nhiên liệu	Công suất danh định/ vòng quay (HP/rpm)	Suất tiêu hao nhiên liệu (g_{tt} = g/hp.h) (*)	Mức công suất khai thác (% Ne)	Định mức dầu bôi trơn (% N.liệu)
P12	Máy chính Evenrude-Etec 75 (2 kỳ)	Xăng	75/5500	389		2,0
	Làm manơ rời, cập cầu				30	
	Hành trình đưa, đón Hoa tiêu				85	
	Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu				40	
	Làm manơ rời, cập tàu				50	
P6	Máy chính Lombadini LDW 245 JMTI/A	Diesel	245/4200	176		2,0
	Làm manơ rời, cập cầu				30	
	Hành trình đưa, đón Hoa tiêu				85	
	Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu				40	
	Làm manơ rời, cập tàu				50	
	Công ty III					
Thiên Tân, Thiên Trường, Thiên Long	Máy chính: MERCUISER-QSM11	Diesel	450	160		2,0
	Làm manơ rời, cập cầu				30	
	Hành trình đưa, đón Hoa tiêu				85	
	Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu				40	
	Làm manơ rời, cập tàu				50	
	Máy phát điện: YANMAR 4TNE	Diesel	18 kW	167	85	2,0

STT	Tên máy - Chế độ khai thác máy	Loại nhiên liệu	Công suất danh định/ vòng quay (HP/rpm)	Suất tiêu hao nhiên liệu (g_{tt} = g/hp.h) (*)	Mức công suất khai thác (% Ne)	Định mức dầu bôi trơn (% N.liệu)
	Công ty V					
Huỳnh Long	Máy chính YANMAR-4	Diesel	140	165		2,0
	Làm manơ rời, cập cầu				30	
	Hành trình đưa, đón Hoa tiêu				85	
	Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu				40	
	Làm manơ rời, cập tàu				50	
Hải Long	Máy chính Cummins 6BTA 5.9M	Diesel	260	172		2,0
	Làm manơ rời, cập cầu				30	
	Hành trình đưa, đón Hoa tiêu				85	
	Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu				40	
	Làm manơ rời, cập tàu				50	
	Công ty VII					
Pilot 01	Máy chính: Yanmar 6CH-HTE3	Diesel	170/2500	212		2,0
	Làm manơ rời, cập cầu				30	
	Hành trình đưa, đón Hoa tiêu				85	
	Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu				40	
	Làm manơ rời, cập tàu dẫn				50	

STT	Tên máy - Chế độ khai thác máy	Loại nhiên liệu	Công suất danh định/ vòng quay (HP/rpm)	Suất tiêu hao nhiên liệu (g_{tt} = g/hp.h) (*)	Mức công suất khai thác (% Ne)	Định mức dầu bôi trơn (% N.liệu)
	Công ty VIII					
Pilot 5, 7	Máy chính: GM 671.67136707	Diesel	225/2126	170		2,0
	Làm manơ rời, cập cầu				30	
	Hành trình đưa, đón Hoa tiêu				85	
	Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu				40	
	Làm manơ rời, cập tàu dẫn				50	
Hỏa Long	Máy chính: Yamaha 200 AETL-6G6.1023133	Xăng	200/5000	296		2,0
	Làm manơ rời, cập cầu				30	
	Hành trình đưa, đón Hoa tiêu				85	
	Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu				40	
	Làm manơ rời, cập tàu dẫn				50	
	Công ty Vinacomin					
TKV 05, TKV 06	Máy chính CUMMIN-6BTA 5.9 M3	Diesel	315/3000	170		2,0
	Làm manơ rời, cập cầu				30	
	Hành trình đưa, đón Hoa tiêu				85	
	Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu				40	
	Làm manơ rời, cập tàu				50	

STT	Tên máy - Chế độ khai thác máy	Loại nhiên liệu	Công suất danh định/ vòng quay (HP/rpm)	Suất tiêu hao nhiên liệu (g_{tt} = g/hp.h) (*)	Mức công suất khai thác (% Ne)	Định mức dầu bôi trơn (% N.liệu)
TKV 08	Máy chính QSB 6.7	Diesel	380/3000	160		2,0
	Làm manơ rời, cập cầu				30	
	Hành trình đưa, đón Hoa tiêu				85	
	Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu				40	
	Làm manơ rời, cập tàu				50	
	Vungtauship					
Hoa tiêu 01	Máy OUTBOARD-YAMAHA	Xăng	40/3200			2,0
	Hành trình đưa, đón hoa tiêu				85	
	Công ty Tân cảng					
TC-04; TC-06; TC-10; TC-16	Máy chính YAMAHA		200/5000	296		2,0
	Làm manơ rời, cập cầu				30	
	Hành trình đưa, đón Hoa tiêu				85	
	Nổ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu				40	
	Làm manơ rời, cập tàu				50	

Bảng 5. Định mức tiêu hao nhiên liệu, dầu bôi trơn của phương tiện bộ

(đơn vị tính: 01 xe)

STT	Tên phương tiện	Kiểu máy	Sức chở (người)	Dung tích xi lanh (cm^3)	Công suất (HP)	Loại nhiên liệu	Định mức	
							Nhiên liệu (lít/100km) (*)	Dầu bôi trơn (%N.liệu)
1	Xe Toyota	IRZ-1401334	15	2.000		Xăng	20	1,0
2	Xe Toyota	IRZ-3221434	15	2.400		Xăng	19	1,0
3	Xe Ford	WLAT 588304	7	2.500		Dầu	15.5	1,0
4	Xe Ford	AJ -249540	5	3.000		Xăng	21	1,0
5	Xe Toyota	2RZ-3034687	12	2.400		Xăng	19	1,0
6	Xe Toyota	SXV 10L	4	2.000		Xăng	21	1,0
7	Xe Mitsubishi	6G72-RN4342	7	3.000		Xăng	21	1,0
8	Xe Toyota	IRZ-2871921	12	2.000		Xăng	19	1,0
9	Xe Toyota	IRZ-2578335	12	2.000		Xăng	20.5	1,0
10	Xe Toyota	1TR-6556151	8	2.000		Xăng	16	1,0
11	Toyota Hiace	2TR-FE	16	2.494	102	Xăng	15,0	1,0
12	Toyota Hiace	2KD-FTV	16	2.494	102	Diesel	13,0	1,0
13	Toyota Corolla	ZRE1422	5	1.800	74	Xăng	10,0	1,0
14	Toyota Landcruiser	1FZ-FE	7	4.500	322	Xăng	21	1,0
15	Toyota Innova E	1TR	7	2.000		Xăng	14	1,0
16	Toyota Hiace	2RZ-E	12	2.400	123	Xăng	15,0	1,0

STT	Tên phương tiện	Kiểu máy	Sức chở (người)	Dung tích xi lanh (cm^3)	Công suất (HP)	Loại nhiên liệu	Định mức	
							Nhiên liệu (lít/100km) (*)	Dầu bôi trơn (%N.liệu)
17	Toyota Altis	1ZZ-FE	5	1.800	134	Xăng	10,5	1,0
18	Xe Toyota Fortuner	2TR	7	2.694		Xăng	16	1,0
19	Xe Toyota Hiace	1RZ	12	2000	100	Xăng	18	1,0
20	Xe Toyota Hiace	2RZ	12	2400	132	Xăng	20	1,0
21	Xe Toyota	2TR-FE	16	2,694	149	Xăng	16	1,0
22	Xe Toyota	2AZ-FE	5	2,362	148	Xăng	16	1,0
23	Xe Toyota	1TR-6556751	8	2.000		Xăng	14	1,0
24	Xe Toyota Hiace	2RZ-E	12	2400	123	Xăng	20	1,0
25	Xe Mitsubishi	6G72	7	2972	146	Xăng	17	1,0
26	Xe Toyota Hiace	1RZ	12	2000	99	Xăng	18	1,0
27	Toyota Hiace	IRZ	16	1.998	105	Xăng	18,0	1,0
28	Toyota Altis	2ZR-FE	5	1.798	103	Xăng	12,0	1,0
29	Xe ôtô 7 chỗ	WL	7	2.499	105	Diesel	18	1,0
30	Xe Toyota Corola	4A-FE	4	1587	108	Xăng	15	1,0
31	Xe Toyota Zace	7K-E	8	1781	83	Xăng	14	1,0

(*) Định mức nhiên liệu theo báo cáo thống kê của các đơn vị. Khi áp dụng để tính định mức tiêu hao nhiên liệu của phương tiện bộ theo công thức ở mục IV. 2.1. Cần kiểm tra đối chiếu suất tiêu hao nhiên liệu (g_{oto}) theo tài liệu kỹ thuật của nhà chế tạo.

Bảng 6. Định mức thời gian hoạt động của phương tiện thủy

Hạng mục công việc	Định mức thời gian (phút)
Hành trình phương tiện thủy đưa hoa tiêu đến tàu được dẫn	t = S/V Trong đó: S: là khoảng cách hoạt động của phương tiện thủy cho từng tuyến dẫn tàu cụ thể theo Bảng 2; V: là vận tốc trung bình của phương tiện thủy theo từng tuyến dẫn tàu
Nổ máy chờ Hoa tiêu	40
Manơ rời tàu	10
Hành trình phương tiện đón hoa tiêu từ tàu được dẫn về cầu cảng hoặc đi theo tàu được dẫn từ vị trí yêu cầu	t = S/V S: là khoảng cách hoạt động của phương tiện thủy cho từng tuyến dẫn tàu theo Bảng 2; V: là vận tốc trung bình của phương tiện thủy theo từng tuyến dẫn tàu
Manơ cập cầu	10

Bảng 7. Thời gian công nghệ hoa tiêu dẫn tàu

T1

TT	Các bước công việc	Thời gian
1	**Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty**	**20**
2	**Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn**	
	Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Trạm hoa tiêu Vũng Tàu	180
	Hoa tiêu di chuyển từ Trạm hoa tiêu Vũng Tàu đến bến canô	15
	Hoa tiêu lên phương tiện thủy	10
	Phương tiện thủy manơ rời bến đỗ	10
	Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn	44
	Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn	10
3	**Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu**	
	Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng	10
	Hoa tiêu điều động tàu kéo neo	30
	Hoa tiêu dẫn tàu từ Vũng Tàu vào cầu Cảng Sài Gòn	420
	Hoa tiêu điều động tàu cập hoặc rời cầu Cảng Sài Gòn	90
	Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng	10
4	**Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty**	
	Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cầu cảng Sài Gòn về Trụ sở Công ty	30
5	**Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành**	**10**
	(Nếu tàu rời cầu từ Sài Gòn ra Vũng Tàu thì ngược lại)	

T2

TT	Các bước công việc	Thời gian
1	**Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty**	**20**
2	**Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn**	
	Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Trạm hoa tiêu Vũng Tàu	180
	Hoa tiêu di chuyển từ Trạm hoa tiêu Vũng Tàu đến bến canô	15
	Hoa tiêu lên phương tiện thủy	10
	Phương tiện thủy manơ rời bến đỗ	10
	Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn	44
	Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn	10
3	**Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu**	
	Hoa tiêu lên tàu được dẫn và trao đổi với thuyền trưởng	10
	Hoa tiêu điều động tàu kéo neo	30
	Hoa tiêu dẫn tàu từ P/S Vũng Tàu vào cảng Đồng Nai	570
	Hoa tiêu điều động tàu cập cầu cảng Đồng Nai	60
	Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng	10
4	**Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty**	
	Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cầu cảng Đồng Nai về Trụ sở Công ty	90
5	**Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành**	**10**
	(Nếu tàu rời cầu từ Đồng Nai đi Vũng Tàu thì ngược lại)	

T3

TT	Các bước công việc	Thời gian
1	**Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty**	**20**
2	**Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn**	
	Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Trạm hoa tiêu Vũng Tàu	180
	Hoa tiêu di chuyển từ Trạm hoa tiêu Vũng Tàu đến bến canô	15
	Hoa tiêu lên phương tiện thủy	10
	Phương tiện thủy manơ rời bến đỗ	10
	Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn	44
	Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn	10
3	**Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu**	
	Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng	10
	Hoa tiêu điều động tàu kéo neo	30
	Hoa tiêu dẫn tàu từ P/S Vũng Tàu vào cầu cảng Hiệp Phước	390
	Hoa tiêu điều động tàu cập cầu cảng Hiệp Phước	90
	Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng	10
4	**Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty**	
	Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cầu cảng Hiệp Phước về Trụ sở Công ty	40
5	**Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành**	**10**
	(Nếu tàu rời cầu từ Hiệp Phước đi Vũng Tàu thì ngược lại)	

T4

TT	Các bước công việc	Thời gian
1	**Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty**	**20**
2	**Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn**	
	Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Trạm hoa tiêu Vũng Tàu	180
	Hoa tiêu di chuyển từ Trạm hoa tiêu Vũng Tàu đến bến canô	15
	Hoa tiêu lên phương tiện thủy	10
	Phương tiện thủy manơ rời bến đỗ	10
	Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn	44
	Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn	10
3	**Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu**	
	Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng	10
	Hoa tiêu điều động tàu kéo neo	30
	Hoa tiêu dẫn tàu từ Vũng Tàu vào cầu cảng Long An	690
	Hoa tiêu điều động tàu cập cầu cảng Long An	60
	Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng	10
4	**Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty**	
	Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cầu cảng Long An về Trụ sở Công ty	90
5	**Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành**	**10**
	(Nếu tàu rời cầu thì ngược lại)	

T5

TT	Các bước công việc	Thời gian
1	**Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty**	**20**
2	**Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn**	
	Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Trạm hoa tiêu Vũng Tàu	180
	Hoa tiêu di chuyển từ Trạm hoa tiêu Vũng Tàu đến bến canô	15
	Hoa tiêu lên phương tiện thủy	10
	Phương tiện thủy manơ rời bến đỗ	10
	Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn	44
	Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn	10
3	**Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu**	
	Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng	10
	Hoa tiêu điều động tàu kéo neo	30
	Hoa tiêu dẫn tàu từ Vũng Tàu đến Mỹ Tho	540
	Hoa tiêu điều động tàu thả neo (BĐAT hàng hải không cho tàu chạy đêm)	30
	Hoa tiêu điều động tàu kéo neo	30
	Hoa tiêu dẫn tàu từ Mỹ Tho đến cầu cảng Đồng Tháp	540
	Hoa tiêu điều động tàu cập cầu cảng Đồng Tháp	60
	Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng	10
4	**Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty**	
	Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Đồng Tháp về Trụ sở Công ty	390
5	**Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành**	**10**
	(Nếu tàu rời Cảng Đồng Tháp đi Vũng Tàu thì ngược lại)	

T6

TT	Các bước công việc	Thời gian
1	**Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty**	**20**
2	**Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn**	
	Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Trạm hoa tiêu Vũng Tàu	180
	Hoa tiêu di chuyển từ Trạm hoa tiêu Vũng Tàu đến bến canô	15
	Hoa tiêu lên phương tiện thủy	10
	Phương tiện thủy manơ rời bến đỗ	10
	Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn	44
	Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn	10
3	**Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu**	
	Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng	10
	Hoa tiêu điều động tàu kéo neo	30
	Hoa tiêu dẫn tàu từ Vũng Tàu vào cầu cảng Cát Lở	180
	Hoa tiêu điều động tàu cập cầu cảng Cát Lở	60
	Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng	10
4	**Phương tiện đón Hoa tiêu về Trạm Hoa tiêu Vũng Tàu**	
	Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cầu cảng Cát Lở về Trạm hoa tiêu Vũng Tàu	45
5	**Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành**	**10**
	(Nếu tàu rời cầu từ cảng Cát Lở ra Vũng Tàu thì ngược lại)	

T7

TT	Các bước công việc	Thời gian
1	**Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty**	**20**
2	**Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn**	
	Hoa tiêu lên phương tiện thủy từ Trụ sở Công ty	15
	Phương tiện thủy manơ rời cầu	10
	Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cầu đến tàu được dẫn	50
	Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn	10
3	**Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu**	
	Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng	10
	Hoa tiêu điều động tàu rời bến đỗ	90
	Hoa tiêu dẫn tàu từ cảng Sài Gòn đến cảng Đồng Nai	240
	Hoa tiêu điều động tàu cập cầu cảng Đồng Nai	60
	Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng	10
4	**Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty**	
	Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cầu cảng Đồng Nai về Trụ sở Công ty	90
5	**Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành**	10
	(Nếu tàu rời cầu Đồng Nai đến Sài Gòn thì ngược lại)	

T8

TT	Các bước công việc	Thời gian
1	**Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty**	**20**
2	**Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn**	
	Hoa tiêu lên phương tiện thủy từ Trụ sở Công ty	15
	Phương tiện thủy manơ rời cầu	10
	Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cầu đến tàu được dẫn	50
	Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn	10
3	**Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu**	
	Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng	10
	Hoa tiêu manơ tàu rời bến đỗ	60
	Hoa tiêu dẫn tàu từ cảng Sài Gòn đến Vũng Tàu	450
	Phương tiện thủy manơ rời cầu cảng Vũng Tàu đưa Hoa tiêu ra tàu được dẫn (đổi Hoa tiêu tại Vũng Tàu)	10
	Phương tiện thủy hành trình đưa Hoa tiêu ra tàu được dẫn	30
	Phương tiện thủy manơ cập, rời tàu được dẫn	10
	Hoa tiêu trao đổi bàn giao công việc	10
	Hoa tiêu dẫn tàu từ Vũng Tàu đến Mỹ Tho	540
	Hoa tiêu điều động tàu thả neo (Quy định của Bảo đảm an toàn hàng hải không cho tàu chạy đêm)	30
	Hoa tiêu điều động tàu kéo neo	30
	Hoa tiêu dẫn tàu từ Mỹ Tho đến cầu cảng Đồng Tháp	540
	Hoa tiêu điều động tàu cập cầu cảng Đồng Tháp	60
	Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng	10
4	**Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty**	
	Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Đồng Tháp về Trụ sở Công ty	390
5	**Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành**	10
	Nếu đi từ cảng Đồng Tháp đến cảng Sài Gòn thì ngược lại	

T9

TT	Các bước công việc	Thời gian
1	**Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty**	**20**
2	**Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn**	
	Hoa tiêu lên phương tiện thủy từ Trụ sở Công ty	15
	Phương tiện thủy manơ rời cầu	10
	Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cầu đến tàu được dẫn	50
	Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn	10
3	**Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu**	
	Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng	10
	Hoa tiêu điều động tàu rời bến đỗ	90
	Hoa tiêu dẫn tàu từ cảng Sài Gòn đến Long An	570
	Hoa tiêu điều động tàu cập cầu cảng Long An	60
	Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng	10
4	**Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty**	
	Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cầu cảng Long An về Trụ sở Công ty	90
5	**Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành**	10
	(Nếu tàu rời cầu Long An đến Sài Gòn thì ngược lại)	

T10

TT	Các bước công việc	Thời gian
1	**Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty**	**20**
2	**Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn**	
	Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Trạm hoa tiêu Vũng Tàu	180
	Hoa tiêu di chuyển từ Trạm hoa tiêu Vũng Tàu đến bến canô	15
	Hoa tiêu lên phương tiện thủy	10
	Phương tiện thủy manơ rời bến đỗ	10
	Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn	44
	Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn	10
3	**Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu**	
	Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng	10
	Hoa tiêu điều động tàu kéo neo	30
	Hoa tiêu dẫn tàu từ Vũng Tàu đến Vàm Láng	300
	Hoa tiêu điều động tàu thả neo (chờ nước, đổi hoa tiêu)	30
	Hoa tiêu làm thủ tục, bàn giao với cho thuyền trưởng	10
	Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ Vàm Láng về Trụ sở Công ty	182
	Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành	10
	Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ Trụ sở đến Vàm Láng lên tàu	182
	Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng	10
	Hoa tiêu điều động tàu kéo neo	30
	Hoa tiêu dẫn tàu từ Vàm Láng đến cầu cảng Bến Lức	300
	Hoa tiêu điều động tàu cập cầu cảng Bến Lức	60
	Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng	10
4	**Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty**	
	Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Bến Lức về Trụ sở Công ty	90
5	**Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành**	10
	(Nếu tàu rời Cảng Bến Lức đi Vũng Tàu thì ngược lại)	

T11

TT	Các bước công việc	Thời gian
1	**Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty**	**20**
2	**Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn**	
	Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Trạm hoa tiêu Vũng Tàu	180
	Hoa tiêu di chuyển từ Trạm hoa tiêu Vũng Tàu đến bến canô	15
	Hoa tiêu lên phương tiện thủy	10
	Phương tiện thủy manơ rời bến đỗ	10
	Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn	44
	Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn	10
3	**Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu**	
	Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng	10
	Hoa tiêu điều động tàu kéo neo	30
	Hoa tiêu dẫn tàu từ Vũng Tàu vào cầu cảng Nhơn Trạch	360
	Hoa tiêu điều động tàu cập cầu cảng Nhơn Trạch	60
	Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng	10
4	**Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty**	
	Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cầu cảng Nhơn Trạch về Trụ sở Công ty	90
5	**Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành**	**10**
	(Nếu tàu rời cầu từ Nhơn Trạch đi Vũng Tàu thì ngược lại)	

T12

TT	Các bước công việc	Thời gian
1	**Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty**	**20**
2	**Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn**	
	Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Trạm hoa tiêu Vũng Tàu	180
	Hoa tiêu di chuyển từ Trạm hoa tiêu Vũng Tàu đến bến canô	15
	Hoa tiêu lên phương tiện thủy	10
	Phương tiện thủy manơ rời bến đỗ	10
	Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn	44
	Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn	10
3	**Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu**	
	Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng	10
	Hoa tiêu điều động tàu kéo neo	30
	Hoa tiêu dẫn tàu từ Vũng Tàu vào cầu cảng Gò Gia	210
	Hoa tiêu điều động tàu cập cầu cảng Gò Gia	60
	Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng	10
4	**Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty**	
	Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cầu cảng Gò Gia về bến Canô Vũng Tàu	120
	Hoa tiêu di chuyển từ bến Canô lên Trạm hoa tiêu Vũng Tàu	15
5	**Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành**	**10**
	(Nếu tàu rời cầu từ cảng Gò Gia ra Vũng Tàu thì ngược lại)	

T13

TT	Các bước công việc	Thời gian
1	**Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty**	**20**
2	**Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn**	
	Hoa tiêu lên phương tiện thủy	10
	Phương tiện thủy manơ rời bến đỗ	10
	Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn	50
	Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn	10
3	**Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu**	
	Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng	10
	Hoa tiêu điều động tàu kéo neo	30
	Hoa tiêu dẫn tàu di dời	60
	Hoa tiêu điều động tàu cập cầu cảng hoặc neo đậu	60
	Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng	10
4	**Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty**	
	Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cầu cảng về Trụ sở Công ty	40
5	**Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành**	**10**

T13a

TT	Các bước công việc	Thời gian
1	**Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty**	**20**
2	**Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn**	
	Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Sa Đéc	420
	Hoa tiêu làm thủ tục lên tàu được dẫn	30
3	**Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu**	
	Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng	10
	Hoa tiêu manơ tàu rời bến đỗ	30
	Hoa tiêu dẫn tàu từ Sa Đéc đến Vĩnh Long	120
	Hoa tiêu manơ tàu cập cầu cảng du lịch Vĩnh Long	30
	Hoa tiêu trao đổi bàn giao công việc với thuyền trưởng	10
	Hoa tiêu chờ tàu ở trên tàu	240
	Hoa tiêu làm manơ rời cảng Vĩnh Long	30
	Hoa tiêu dẫn tàu từ Vĩnh Long đến Mỹ Tho	60
	Hoa tiêu manơ cập cầu cảng Du lịch Mỹ Tho	30
	Hoa tiêu chờ ở trên tàu	300
	Hoa tiêu manơ tàu rời cảng Mỹ Tho	30
	Hoa tiêu dẫn tàu từ Mỹ Tho đến Kênh Chợ Gạo	60
	Hoa tiêu cập bến Kênh Chợ Gạo	30
	Hoa tiêu trao đổi bàn giao công việc với thuyền trưởng	10
	Hoa tiêu chờ tàu	720
	Hoa tiêu manơ rời bến Kênh Chợ Gạo	30
	Hoa tiêu dẫn tàu từ Kênh Chợ Gạo đến Sài Gòn	240
	Hoa tiêu manơ tàu cập cầu cảng du lịch Sài Gòn	30
	Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng	10
4	**Phương tiện đón Hoa tiêu trụ sở Công ty**	
	Phương tiện thủy đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty	22
5	**Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành**	**10**
	(Nếu đi từ cảng Sài Gòn đến Sa Đéc thì ngược lại)	

T13b

TT	Các bước công việc	Thời gian
1	**Hoa tiêu nhận lệnh tại Trụ sở Công ty**	**20**
2	**Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn**	
	Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Trạm hoa tiêu Vũng Tàu	180
	Hoa tiêu di chuyển từ Trạm hoa tiêu đến bến cano	15
	Hoa tiêu lên phương tiện thủy	10
	Phương tiện thủy manơ rời cầu	10
	Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn	44
	Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn	10
3	**Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu**	
	Hoa tiêu lên tàu, trao đổi với thuyền trưởng	10
	Hoa tiêu điều động tàu kéo neo	30
	Hoa tiêu dẫn tàu từ Vũng Tàu vào Bình Khánh (qua Soài Rạp)	360
	Hoa tiêu điều động tàu cập cầu	90
	Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng	10
4	**Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty**	
	Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Bình Khánh về Trụ sở Công ty	40
5	**Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành**	**10**

T13c

TT	Các bước công việc	Thời gian
1	**Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty**	**20**
2	**Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn**	
	Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Trạm hoa tiêu Vũng Tàu	180
	Hoa tiêu di chuyển từ Trạm hoa tiêu Vũng Tàu đến bến canô	15
	Hoa tiêu lên phương tiện thủy	10
	Phương tiện thủy manơ rời cầu	10
	Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn	44
	Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn	10
3	**Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu**	
	Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng	10
	Hoa tiêu điều động tàu kéo neo	30
	Hoa tiêu dẫn tàu từ Vũng Tàu đến Mỹ Tho	540
	Hoa tiêu điều động tàu thả neo hoặc cập cầu	60
	Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng	10
4	**Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty**	
	Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Mỹ Tho về Trụ sở Công ty	120
5	**Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành**	**10**

T13d

TT	Các bước công việc	Thời gian
1	**Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty**	**20**
2	**Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn**	
	Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Mỹ Tho	120
	Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ cầu đến tàu được dẫn	15
3	**Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu**	
	Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng	10
	Hoa tiêu điều động tàu kéo neo	30
	Hoa tiêu dẫn tàu từ Mỹ Tho đến Vĩnh Xương	720
	Hoa tiêu điều động tàu thả neo	30
	Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng	10
4	**Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty**	
	Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ tàu được dẫn về bờ (Cảng Mỹ Tho - tàu được dẫn - Cảng Mỹ Tho)	10
	Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Mỹ Tho về Trụ sở Công ty	390
5	**Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành**	**10**

T13e

TT	Các bước công việc	Thời gian
1	**Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty**	**20**
2	**Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn**	
	Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trạm hoa tiêu Bình Thuận đến cảng Vĩnh Tân	30
	Hoa tiêu lên phương tiện thủy	15
	Phương tiện thủy manơ rời bến đỗ	10
	Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn	51
	Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn	10
3	**Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu**	
	Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng	10
	Hoa tiêu báo cáo Cảng vụ Bình Thuận về phương án dẫn tàu	15
	Hoa tiêu điều động tàu kéo neo	30
	Hoa tiêu dẫn tàu từ Biển vào cầu cảng Vĩnh Tân	120
	Hoa tiêu điều động tàu cập cầu cảng Vĩnh Tân	60
	Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng	10
	Hoa tiêu báo cáo Cảng vụ Bình Thuận việc kết thúc dẫn tàu	15
4	**Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty**	
	Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cầu Cảng Vĩnh Tân về Trạm hoa tiêu Bình Thuận	30
5	**Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành**	**10**
(Nếu tàu rời cầu từ cảng Vĩnh Tân ra Biển thì ngược lại)		

T13g

TT	Các bước công việc	Thời gian
1	**Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty**	**20**
2	**Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn**	
	Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Trạm hoa tiêu Bình Thuận đến cảng LPG Hòa Phú	60
	Hoa tiêu di chuyển từ cảng LPG Hòa Phú đến bến canô	15
	Hoa tiêu lên phương tiện thủy	15
	Phương tiện thủy manơ rời bến đỗ	10
	Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn	51
	Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn	10
3	**Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu**	
	Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng	10
	Hoa tiêu báo cáo Cảng vụ Bình Thuận về phương án dẫn tàu	15
	Hoa tiêu điều động tàu kéo neo	30
	Hoa tiêu dẫn tàu từ Biển vào cầu cảng LPG Hòa Phú	90
	Hoa tiêu điều động tàu cập cầu cảng LPG Hòa Phú	60
	Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng	10
	Hoa tiêu báo cáo Cảng vụ Bình Thuận về kết thúc dẫn tàu	15
4	**Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty**	
	Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cầu cảng LPG Hòa Phú về Trạm hoa tiêu Bình Thuận	60
5	**Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành**	**10**
	(Nếu tàu rời cầu từ cảng LPG Hòa Phú ra Biển thì ngược lại)	

T13h

TT	Các bước công việc	Thời gian
1	**Hoa tiêu nhận kế hoạch tại Trụ sở Công ty**	**20**
2	**Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn**	
	Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trụ sở Công ty đến Trạm hoa tiêu Lagi	300
	Hoa tiêu di chuyển từ Trạm hoa tiêu Lagi đến bến canô	40
	Hoa tiêu lên phương tiện thủy	15
	Phương tiện thủy manơ rời bến đỗ	10
	Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn	40
	Phương tiện thủy manơ cập tàu được dẫn	10
3	**Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu**	
	Hoa tiêu lên tàu được dẫn, trao đổi với thuyền trưởng	10
	Hoa tiêu điều động tàu kéo neo	30
	Hoa tiêu dẫn tàu từ khu vực chuyển tải ra vùng đón trả Hoa tiêu	60
	Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng	10
4	**Phương tiện đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty**	
	Hoa tiêu lên phương tiện thủy	5
	Phương tiện thủy manơ rời bến đỗ	10
	Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ vùng đón trả Hoa tiêu vào bờ	90
	Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trạm bờ về Trụ sở Công ty	360
5	**Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành**	**10**
	(Nếu đưa tàu từ vùng đón trả Hoa tiêu và khu vực chuyển tải thì ngược lại)	

T14

TT	Các bước công việc	Thời gian	
		Tàu hàng	Tàu kéo
1	**Hoa tiêu nhận kế hoạch từ Trụ sở Công ty**	**20**	**20**
2	**Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn**		
	Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu đến Trạm Định An	285	285
	Hoa tiêu lên phương tiện thủy	15	15
	Phương tiện thủy ma nơ rời cầu	10	10
	Phương tiện thủy đón hoa tiêu từ Trạm Định An ra P/S Định An	185	185
	Phương tiện thủy ma nơ cập tàu được dẫn	10	10
3	**Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu**		
	Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng	10	10
	Hoa tiêu điều động kéo neo	30	30
	Hoa tiêu dẫn tàu (hoặc tàu kéo) từ điểm đón trả Hoa tiêu vào Cảng Mỹ Thới	600	1,020
	Hoa tiêu điều động tàu cập cầu (hoặc rời cầu)	60	60
	Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao cho thuyền trưởng	10	10
4	**Phương tiện đón hoa tiêu về Trụ sở Công ty**		
	Hoa tiêu lên phương tiện thủy	10	10
	Phương tiện thủy ma nơ rời tàu	15	15
	Phương tiện thủy đón hoa tiêu từ tàu vào bờ	15	15
	Hoa tiêu rời phương tiện thủy về Trạm hoa tiêu	45	45
5	**Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành**	10	10
	(Chiều ra từ cảng đến vị trí đón trả Hoa tiêu thì ngược lại)		

T15

TT	Các bước công việc	Thời gian	
		Tàu hàng	Tàu kéo
1	**Hoa tiêu nhận kế hoạch từ Trụ sở Công ty**	**20**	**20**
2	**Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn**		
	Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu đến Trạm Định An	285	285
	Hoa tiêu lên phương tiện thủy	15	15
	Phương tiện thủy ma nơ rời cầu	10	10
	PTT đón hoa tiêu từ Trạm Định An ra tàu được dẫn	185	185
	Phương tiện thủy ma nơ cập tàu được dẫn	10	10
3	**Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu**		
	Hoa tiêu lên tàu được dẫn trao đổi với thuyền trưởng	10	10
	Hoa tiêu điều động kéo neo	30	30
	Hoa tiêu dẫn tàu (hoặc tàu kéo) từ vị trí đón trả Hoa tiêu vào Cảng Mỹ Thới	900	1,470
	Hoa tiêu điều động tàu cập cầu (hoặc rời cầu)	60	60
	Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao cho thuyền trưởng	10	10
4	**Phương tiện đón hoa tiêu về Trụ sở Công ty**		
	Hoa tiêu lên phương tiện thủy	10	10
	Phương tiện thủy ma nơ rời tàu	15	15
	Phương tiện thủy đón hoa tiêu từ tàu vào Cảng	30	30
	Phương tiện thủy ma nơ cập cầu cảng	10	10
	Phương tiện bộ hoặc thủy đón Hoa tiêu về Trụ sở Công ty	120	120
5	**Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành**	**10**	**10**

T16

TT	Các bước công việc	Thời gian
1	**Hoa tiêu nhận kế hoạch từ Trụ sở Công ty**	**20**
2	**Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu được dẫn**	
	Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu đến Trạm Định An	285
	Hoa tiêu lên phương tiện thủy	20
	Phương tiện thủy ma nơ rời cầu	10
	Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ Trạm Định An ra P/S Định An	185
	Phương tiện thủy ma nơ cập tàu được dẫn	10
3	**Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu**	
	Hoa tiêu lên tàu trao đổi với thuyền trưởng	10
	Hoa tiêu điều động tàu kéo neo	30
	Hoa tiêu dẫn tàu từ điểm đón trả Hoa tiêu vào Cảng	1,650
	Hoa tiêu điều động tàu ma nơ cập cầu (rời cầu)	60
	Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao cho thuyền trưởng	10
4	**Phương tiện đón hoa tiêu về Trụ sở Công ty**	
	Hoa tiêu lên phương tiện thủy	10
	Phương tiện thủy ma nơ rời tàu	15
	Phương tiện thủy đón Hoa tiêu từ tàu vào Cảng	30
	Phương tiện thủy ma nơ cập cầu cảng	10
	Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ cảng về Trụ sở Công ty	228
5	**Hoa tiêu báo cáo kết quả công việc với ban điều hành**	**10**

(Xem tiếp Công báo số 1051 + 1052)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng